



25th
the
Happiness
journey of

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



**OUR
VISION**

**TÂM
NHÌN**

**THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU
CUNG CẤP DỊCH VỤ SÂN BAY TẠI VIỆT NAM**

CHÚNG TÔI LÀ SASCO

SASCO có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ sân bay, với hơn 1.100 nhân viên, luôn nằm trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững trong lĩnh vực dịch vụ thương mại.

Tên công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất
Tên Tiếng Anh	Southern Airports Services JSC
Tên viết tắt	SASCO
Vốn điều lệ	133.481.310.000 đồng
Địa chỉ	Sân bay Quốc Tế Tân Sơn Nhất, P.2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Mã CK	SAS
Tel	(028) 3844 8358
Fax	(028) 3844 7812
Mã số thuế	0301123125
Website	www.sasco.com.vn

06

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị

08

Câu chuyện SASCO

26

Thông tin cơ bản

40

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

54

Báo cáo Hội đồng quản trị

61

Báo cáo Ban Kiểm soát

66

Báo cáo Phát triển bền vững

80

Báo cáo Tài chính kiểm toán



Ông Nguyễn Hạnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

“ ... SASCO tiếp tục giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không dẫn đầu tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất... ”

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa quý vị cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể CBCNV,

Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam khép lại với nhiều chỉ số đầy ấn tượng, tăng trưởng GDP 7,08%, mức cao nhất kể từ năm 2008, CPI dưới 4%, kim ngạch XNK đạt kỷ lục mới, dự trữ ngoại hối tăng 3,3 lần khoảng 60 tỷ USD ..cả nước năm 2018 đón hơn 15 triệu lượt hành khách đến Việt Nam, chỉ số tín nhiệm của nhà đầu tư đối với Việt Nam và uy tín, vị thế của Việt Nam trên thế giới tăng cao ..., hòa chung với niềm vui tăng trưởng kinh tế cả nước là sự thành công về kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng của công ty SASCO, chúng ta đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, đảm bảo quyền lợi các cổ đông SASCO.

Tôi nhiệt liệt biểu dương nỗ lực, tận tâm của toàn đội ngũ CBCNV SASCO, các bạn đã tạo nên dấu ấn đậm nét trên hành trình 25 năm xây dựng và phát triển doanh nghiệp.

Năm 2018, SASCO cũng đã đạt được nhiều thành tựu và giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế như Thương hiệu Quốc gia của Chính phủ, Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững ...giữ vị trí thứ 5 trong Top 10 Doanh nghiệp bán lẻ uy tín nhất; Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất, 12 năm liên tiếp đạt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Giải thưởng kinh doanh

xuất sắc Châu Á (APEA) và Giải thưởng nơi làm việc tốt nhất châu Á do HR Asia vinh danh...

SASCO tiếp tục giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không dẫn đầu tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất. Các hoạt động kinh doanh truyền thống và là thế mạnh của SASCO phát huy tốt năng lực, lợi thế đạt hiệu quả kinh doanh tích cực đồng thời góp phần vào sự thay đổi diện mạo của Tân Sơn Nhất, sự phát triển của sân bay và ngành hàng không Việt Nam. Việc đầu tư mở rộng loại hình dịch vụ ngoài thị trường Tân Sơn Nhất cũng đạt kết quả khả quan, tạo tiền đề cho sự phát triển cân đối lâu dài của doanh nghiệp trong tương lai.

Chiến lược kinh doanh của SASCO là kết nối chặt chẽ với các giá trị phát triển bền vững, đề cao sự minh bạch trong kinh doanh; cam kết chất lượng và tận tâm trong từng dịch vụ, thực thi quan điểm cạnh tranh bằng sự khác biệt, cạnh tranh lành mạnh để thúc đẩy sự tiến bộ, gia tăng lợi ích cho khách hàng; chúng tôi không thể phát triển bền vững nếu không có được sự ủng hộ từ khách hàng.

Đối với người lao động, đảm bảo thu nhập gắn với năng lực, đồng thời tạo ra những trải nghiệm nhân viên tốt, từ đó mang đến những trải nghiệm khách hàng tốt. “Một hành trình hạnh phúc thực sự bắt đầu từ bản thân người làm dịch vụ trước khi lan tỏa đến khách hàng”. SASCO không ngừng xây dựng một tổ chức mà trong đó mỗi thành viên đều cảm thấy hài lòng trong công việc, đẩy mạnh đào tạo, cập nhật kiến thức và phát triển con người, nâng cao tính tuân thủ để đạt được những mục tiêu phát triển bền vững.

Những hoạt động cộng đồng xã hội của SASCO đã và đang tạo ra những tác động tích cực, góp phần xây dựng cuộc sống

nhân ái, tốt đẹp hơn.

Năm 2019, SASCO sẽ có những bước đi bài bản, mạnh mẽ hơn nữa trong phát triển doanh nghiệp, nâng cao giá trị và chất lượng dịch vụ, giữ vững vị thế, mở rộng quy mô hoạt động, tận dụng được cơ hội của thị trường, và không ngừng nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn về quản trị, an toàn tài chính và quản lý rủi ro theo thông lệ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị SASCO, tôi cam kết sẽ theo sát các kế hoạch phát triển của SASCO, đảm bảo thực hiện vượt các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cam kết sẽ mang lại những bước phát triển bền vững cho SASCO, cho khách hàng, nhân viên, đối tác và các cổ đông.

Xin chúc tất cả quý vị sức khỏe và thành công.

Chủ tịch Hội đồng quản trị.

NGUYỄN HẠNH

Sứ mệnh phát triển

Sứ mệnh của chúng tôi là được đồng hành cùng khách hàng trên từng hành trình quan trọng của cuộc sống, đem đến niềm vui và sự tin tưởng bằng sự tận tâm, chuyên nghiệp, thấu hiểu cao nhất.

Tầm nhìn thương hiệu

Chúng tôi tập trung phát triển bền vững và trở thành thương hiệu Việt được khách hàng yêu mến, tin tưởng, giữ vững vị thế là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về cung cấp Dịch vụ tại Sân bay.

Giá trị

Thấu hiểu khách hàng nhằm mang đến những trải nghiệm hài lòng nhất;
Cam kết phục vụ với sự tận tâm và chuyên nghiệp;
Nỗ lực vì sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội



Phát triển bền vững và khẳng định vị thế thương hiệu đứng đầu về cung cấp dịch vụ sân bay tại Việt Nam.

Định hướng phát triển

Khách hàng là trọng tâm: Là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không chất lượng cao. Lấy sự hài lòng về dịch vụ khách hàng làm trung tâm của mọi hoạt động, từ đó tạo giá trị gia tăng cho đối tác khách hàng.

Đầu tư nguồn nhân lực: Trở thành doanh nghiệp có môi trường làm việc lý tưởng giúp nhân viên phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.

Hệ thống và quy trình quản trị: Xây dựng quản trị công ty theo các chuẩn mực hiện đại, từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả. Phát triển bền vững trên cơ sở nền tảng đảm bảo an toàn tài chính, hoạt động kinh doanh lành mạnh và minh bạch.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục chiến lược phát triển bền vững: Khẳng định và quyết tâm giữ vững vị thế SASCO là nhà cung cấp dịch vụ thương mại hàng không hàng đầu, phát triển hệ thống phân phối bán lẻ song song với việc đảm bảo hiệu quả quản trị và kiểm soát hoạt động. Cân đối hài hòa lợi ích khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.

Tập trung chiến lược gia tăng lợi nhuận: Đẩy mạnh toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung gia tăng lợi nhuận hoạt động kinh doanh, và đẩy mạnh nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh, sự khác biệt trong mỗi sản phẩm. Thực hiện kiểm soát chặt chi phí hoạt động, đẩy mạnh công tác tiết kiệm chi phí trên toàn hệ thống từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

Nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm: Tăng cường gắn kết, chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ. sản phẩm góp phần xây dựng niềm tin của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của Công ty qua những trải nghiệm dịch vụ hoàn hảo.

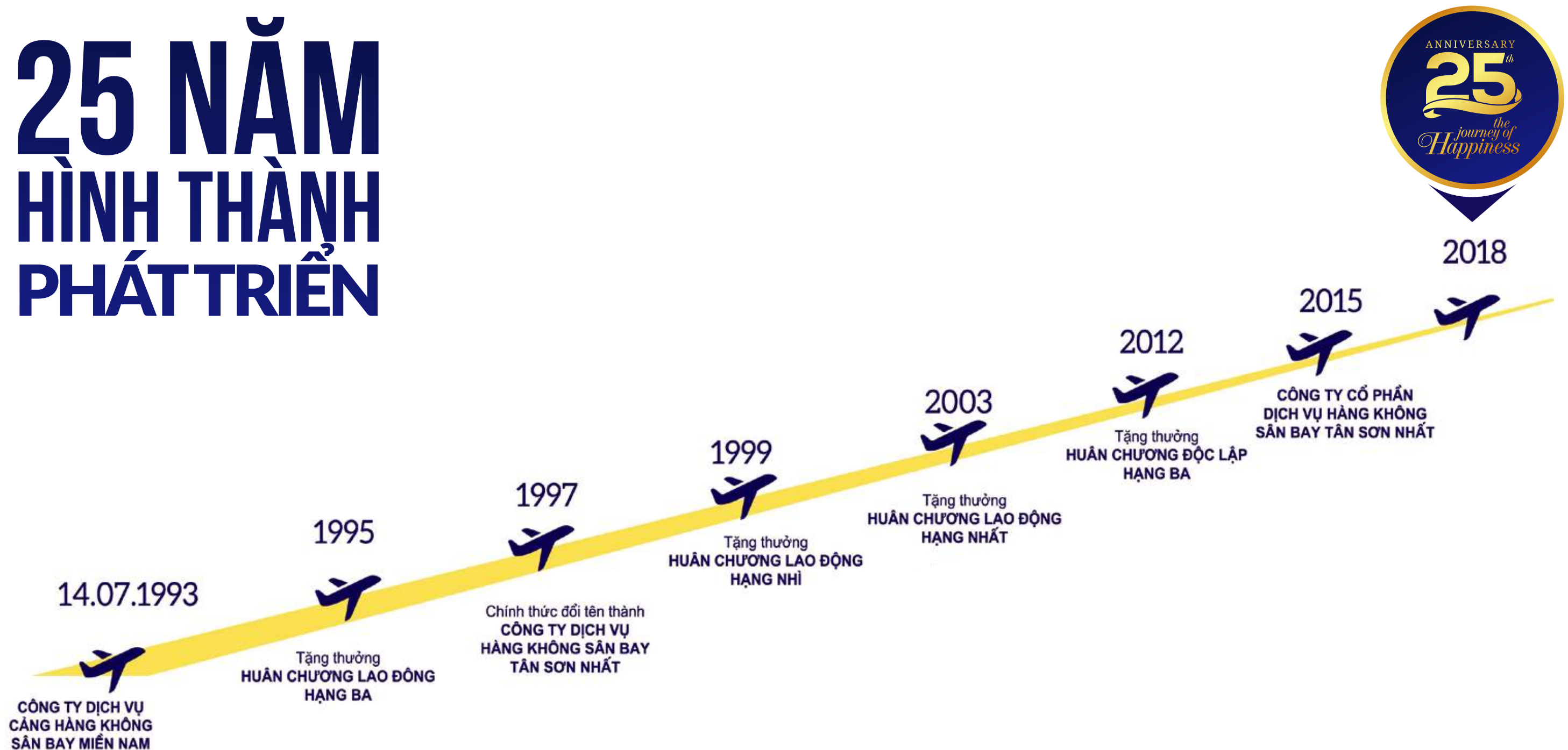
341 Tỷ VND

LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2018

2.272 VND/
cổ phiếu

EPS NĂM 2018

25 NĂM HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



Thành tựu trong năm 2018

Hoạt động và địa bàn kinh doanh



Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không với vai trò cung cấp các dịch vụ thương mại tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bán lẻ bao gồm bán hàng miễn thuế, hàng hóa tại sân bay; kinh doanh dịch vụ bao gồm dịch vụ phòng khách thương gia, ẩm thực, nhà hàng, khách sạn...; và các hoạt động kinh doanh khác...

Là doanh nghiệp có vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực bán lẻ và dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Bên cạnh các thương hiệu được xây dựng và phát triển như SASCO Duty Free Tan Son Nhat, SASCO Shop, SASCO Travel, SASCO limousine, SASCO Blue Lagoon Resort, Fresh 2 go, +84 (8) Cafe, Phòng khách thương gia Le Saigonais Quốc nội, SASCO tiếp tục không ngừng phát triển các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ mới như Phu Quoc Bus Tour,

Amazing Rail Tour, Phòng khách thương gia Le Saigonais Quốc tế, Phòng khách thương gia Lotus và Phòng khách thương gia Sun Coast tại Cảng HKQT Cam Ranh.

Địa bàn hoạt động

Địa bàn hoạt động của SASCO tập trung chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh, khu vực sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, sân bay quốc tế Cam Ranh mở rộng, ngoài ra Công ty cũng thực hiện kinh doanh dịch vụ tại khu vực Phú Quốc với dịch vụ taxi Phú Quốc, dịch vụ khách sạn Blue Lagoon Resort....

Trong thời gian qua, SASCO đã không ngừng mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh và phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ, thương mại để đáp ứng nhu cầu thị trường như việc phát triển dịch vụ cung ứng suất ăn đường sắt và mở rộng hoạt động tại sân bay quốc tế Cam Ranh mở rộng.

Hoạt động kinh doanh Ngành nghề và sản phẩm dịch vụ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



KINH DOANH MIỄN THUẾ

Với hơn 10 nhóm mặt hàng,
trên 12.000 sản phẩm đến từ
các thương hiệu danh tiếng.



KINH DOANH BÁN LẺ

Với hơn 30.000 sản phẩm
mang đặc trưng văn hóa
từng vùng miền

DỊCH VỤ PHÒNG CHỜ THƯƠNG GIA

Hệ thống phòng chờ thương gia
Sasco Business Lounge
tinh tế, tiện nghi, đẳng cấp.

DỊCH VỤ KHÁC

Hệ thống kinh doanh ẩm thực,
dịch vụ vận chuyển hành khách,
du lịch và hỗ trợ hành khách,...





SASCO Blue Lagoon Resort Beach

SASCO Blue Lagoon Resort gợi nhớ chúng ta về bộ phim nổi tiếng "Blue Lagoon" vào những năm 80. Dựa trên ý tưởng này, khu nghỉ dưỡng đã ra đời như là một trải nghiệm ban đầu, nơi hòa bình cùng sự lặng hòa quyện vào một không gian nhiệt đới đầy ánh nắng mặt trời, xen lẫn cát và gió.



SASCO Blue Lagoon Resort tọa lạc trên khu đất rộng 2ha trên bờ biển dài hơn 100 mét, cung cấp tổng cộng 80 phòng nghỉ sang trọng gồm 7 loại, trong đó có 2 phòng VIP với thiết kế kiến trúc đặc biệt.

Tháng 9 năm 2018, Công ty đã khởi công cải tạo, nâng cấp khu nghỉ dưỡng Blue Lagoon theo tiêu chuẩn 5 sao Boutique nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường du lịch cao cấp tại Phú Quốc.

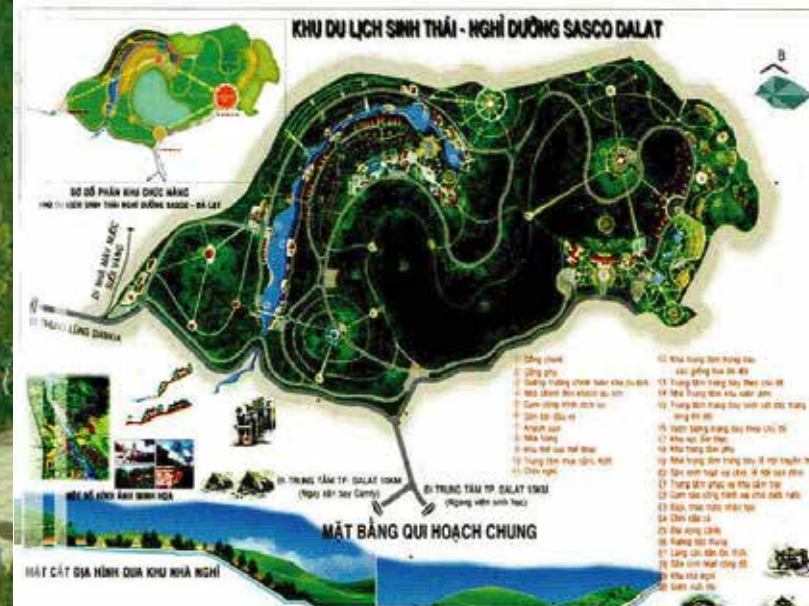
Các dự án khu du lịch của SASCO





Dự án khách sạn SASCO - Nha Trang

SUOI HOA ECO - TOURIST RESORT



VUNG BAU ECO - TOURIST RESORT



DỰ ÁN KHU SINH THÁI SƯỜI HOA

Địa chỉ: Phường 7, Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
Diện tích: 131,13 ha
Quy mô đầu tư: khoảng 200 phòng khách sạn

DỰ ÁN KHÁCH SẠN NHA TRANG SASCO

Địa chỉ: xã Vinh Hòa, thành phố Nha Trang.
Diện tích: khoảng 8.000 m2.
Quy mô đầu tư: 19 tầng Dịch vụ khách sạn.

DỰ ÁN KHU SINH THÁI VŨNG BÀU

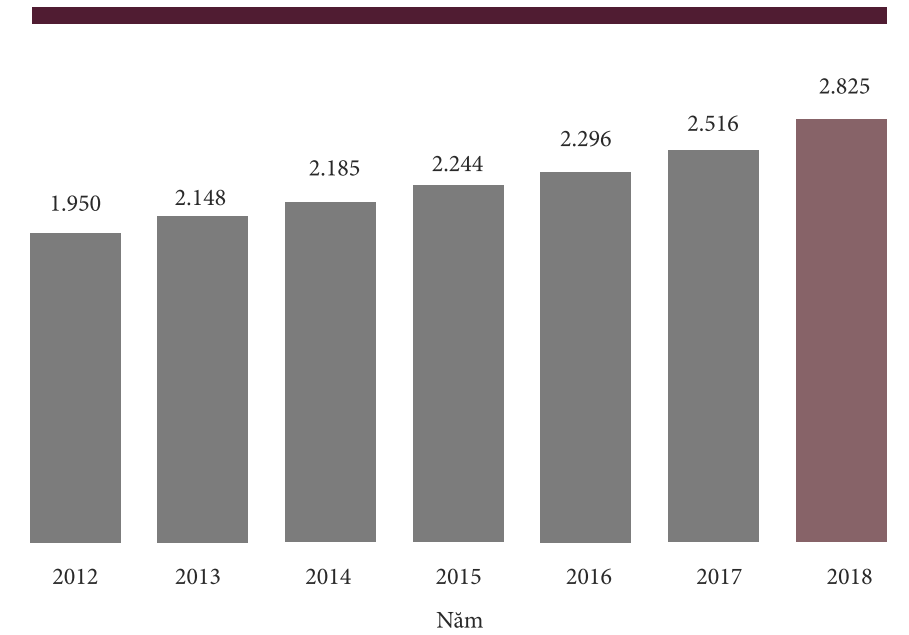
Địa chỉ: huyện Phú Quốc, Kiên Giang.
Diện tích: 129,15 ha.
Quy mô đầu tư: 1.127 phòng
Văn bản pháp luật: Trong quá trình bồi thường giải phóng mặt bằng,



Thông tin cơ bản

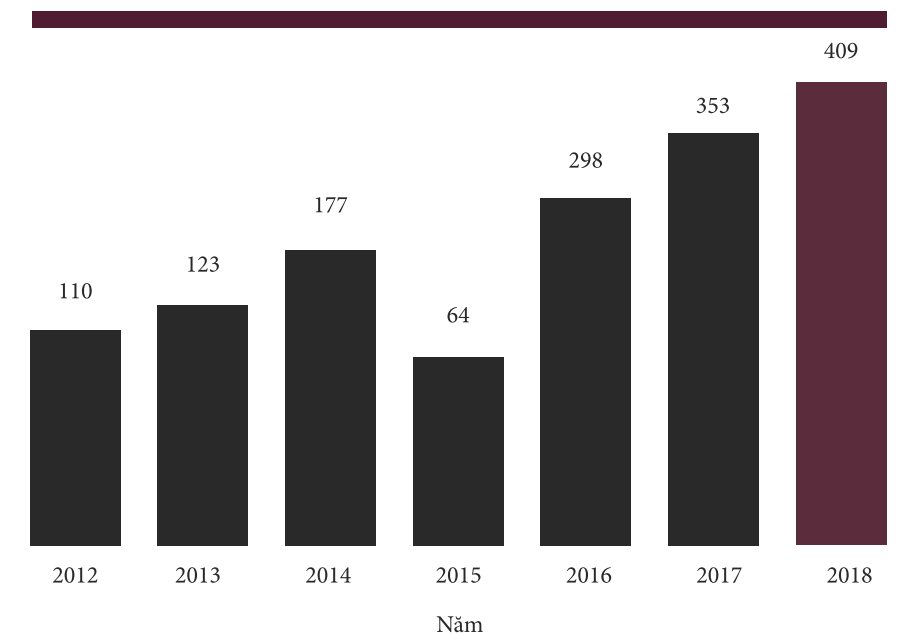
TỔNG DOANH THU

Tỷ đồng



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Tỷ đồng



Các khoản đầu tư góp vốn

Stt	Đơn vị	Giá trị các khoản đầu tư trên sổ sách 01/01/2018	Giá trị các khoản đầu tư trên sổ sách 31/12/2018	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Số lượng CP	Tỷ lệ
A	Đầu tư vào CTy liên kết, liên doanh	178,277,281,987	178,277,281,987	178,277,281,987		
1	CTy TNHH Phú quốc - SASCO	10,800,262,269	10,800,262,269	10,800,262,269		50.00%
2	CTy CP Phát Triển Vườn Xanh	1,200,000,000	1,200,000,000	1,200,000,000	1,200	24.00%
3	CTy LD Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	14,900,289,718	14,900,289,718	14,900,289,718		29.00%
4	CTy CP ĐT-TM Bầu Trời Xanh	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	200,000	20.00%
5	Cty CP TM Xăng dầu Tân Sơn Nhất	149,376,730,000	149,376,730,000	149,376,730,000	14,937,673	38.03%
B	Đầu tư tài chính khác	138,690,251,500	138,690,251,500	95,090,795,500		
I	Đầu tư tài chính dài hạn	110,046,251,500	110,046,251,500	60,990,795,500		
1	Cty CPDV hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)	15,464,785,500	15,464,785,500	15,464,785,500	1,405,890	15.00%
2	CTy CP ĐTPT hạ tầng Phú Quốc	2,800,000,000	2,800,000,000	2,800,000,000		13.31%
3	CTy CP XD công nghiệp (DESCON)	4,930,000,000	4,930,000,000	1,700,000,000	170,000	0.48%
4	CTy CP DVHK SB Nội Bài (Nasco)	8,696,000,000	8,696,000,000	3,696,000,000	369,600	4.44%
5	CTy CP suất ăn Nội Bài (NCS)	21,811,000,000	21,811,000,000	18,001,000,000	1,800,100	10.03%
6	Công ty CP địa ốc Thảo Điền	44,732,290,000	44,732,290,000	16,205,510,000	1,620,551	5.40%
7	CTy CP DL Thành Thành Công Lâm Đồng	11,542,176,000	11,542,176,000	3,053,500,000	305,350	0.89%
8	CTy CP TM Sabeco trung tâm	70,000,000	70,000,000	70,000,000	7,000	0.08%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	28,644,000,000	28,644,000,000	34,100,000,000		
1	Ngân hàng TMCP Đông Á	28,644,000,000	28,644,000,000	34,100,000,000	3,410,000	0.68%
	TỔNG CỘNG	316,967,533,487	316,967,533,487	273,368,077,487		

Thông tin cổ đông & cổ phần

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Họ tên	Loại cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu tăng (giảm) trong kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
I	CỔ ĐÔNG LỚN		125.907.800	94,33%	0	125.957.800	94,36%	
1	Tổng công ty Cảng Hàng Không Việt Nam (ACV)	Cổ đông Nhà Nước	65.504.200	49,07%	0	65.504.200	49,07%	
2	Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	Cổ đông chiến lược	33.290.200	24,94%	50.000	33.340.200	24,98%	
3	Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	Cổ đông chiến lược	6.575.000	4,93%	0	6.575.000	4,93%	
4	Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	Cổ đông chiến lược	20.538.400	15,39%	0	20.538.400	15,39%	
II	CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		7.573.510	5,67%	(50.000)	7.523.510	5,64%	
III	TỔNG CỘNG		133.481.310	100,00%	0	133.481.310	100,00%	

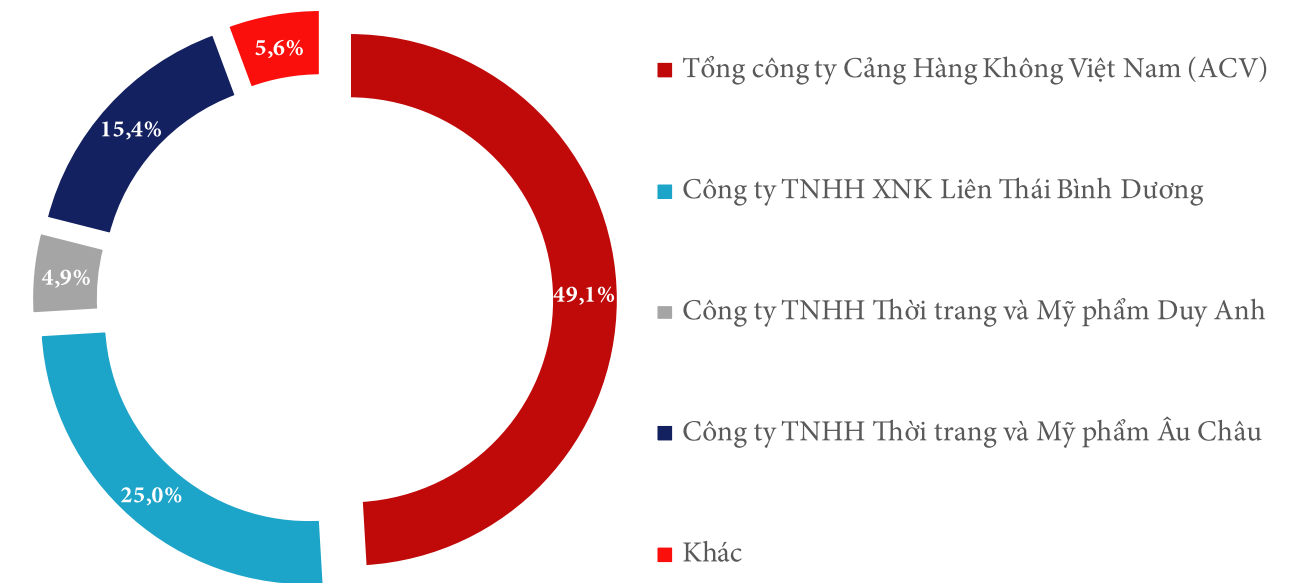
DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu tăng (giảm) trong kỳ (*)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		456.100	0,3%	0	0,0%	456.100	0,3%
1	Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	200.000	0,1%	0	0,0%	200.000	0,1%
2	Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	206.100	0,2%	0	0,0%	206.100	0,2%
3	Bà Trần Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
4	Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
5	Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên HĐQT	50.000	0,0%	0	0,0%	50.000	0,0%
II	BAN GIÁM ĐỐC		391.000	0,3%	0	0,0%	391.000	0,3%
1	Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	154.100	0,1%	0	0,0%	154.100	0,1%
2	Bà Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	119.000	0,1%	0	0,0%	119.000	0,1%
3	Bà Tôn Nữ Diệu Trí	Kế toán trưởng	117.900	0,1%	0	0,0%	117.900	0,1%
III	BAN KIỂM SOÁT		10.000	0,0%	0	0,0%	10.000	0,0%
1	Ông Lưu Quốc Hoàng	Trưởng BKS	5.000	0,0%	0	0,0%	5.000	0,0%
2	Ông Chu Khánh Toàn	Thành viên BKS	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên BKS	5.000	0,0%	0	0,0%	5.000	0,0%
IV	TỔNG CỘNG		857.100	0,6%	0	0,0%	857.100	0,6%

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2018	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	65.504.200	49,07%	1	1	0
2	Cổ đông sở hữu 2,5% SLCP trở lên	60.453.600	45,29%	3	3	0
	- Trong nước	60.453.600	45,29%	3	3	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
3	Cổ đông khác	7.523.510	5,64%	1.091	16	1.075
TỔNG CỘNG		133.481.310	100,00%	1.095	20	1.075

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2018



Hội đồng quản trị



NGUYỄN HẠNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học Seattle – Hoa Kỳ. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại và hàng không, đã và đang giữ vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức như Boeing Subcontractor, Philippine Airlines, IPP Group, Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương, Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu, Công ty TNHH Thời Trang và Mỹ phẩm Duy Anh, ...

Tháng 04/2016, Ông được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị SASCO. Từ 20/4/2017, Ông được bầu chọn làm Chủ tịch - Hội đồng Quản trị SASCO



ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Bà là cử nhân Luật kinh tế Đại học tổng hợp Moscow (Nga) và cử nhân Anh Văn Đại học ngoại ngữ Hà Nội. Gia nhập SASCO từ ngày đầu thành lập, Bà là người góp phần quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản trị công ty, xây dựng và phát triển chiến lược kinh doanh, marketing và phát triển nguồn nhân lực SASCO.

Với hơn 25 năm kinh nghiệm, nắm giữ các chức vụ quản lý chủ chốt tại SASCO, Bà được bầu làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trong giai đoạn 1/1/2015 - 19/4/2017. Từ 20/4/2017 đến nay Bà giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.



TRẦN THỊ MINH NGUYỆT

Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Bà tốt nghiệp Trường Đại học Luật TP.HCM, Trường Đại học Ngoại ngữ Quân sự chuyên ngành Nga Văn và chứng chỉ đại học đại cương Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Anh văn.

Với nền tảng kiến thức về luật và gần 25 năm kinh qua các vị trí quản lý tại Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam, bà Nguyệt hiện đang giữ chức vụ Trưởng Ban Pháp chế Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam. Tháng 03/2018, bà được bầu chọn làm Thành viên Hội đồng Quản trị.



LÊ HỒNG THỦY TIÊN

Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Bà tốt nghiệp Khoa Kinh tế, Đại học quốc gia TP.HCM.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nhà hàng ẩm thực, kinh doanh thương mại hàng hóa mỹ phẩm thời trang cao cấp, hàng miễn thuế, hiện Bà đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương.

Bà được bầu chọn làm thành viên Hội đồng Quản trị sau khi SASCO cổ phần hóa thành công.



NGUYỄN NAM TIẾN

Thành viên HĐQT
Thành viên không điều hành

Ông là cử nhân Luật của Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Với hơn 30 năm kinh qua các vị trí quản lý tại Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam, ông hiện đang giữ chức vụ Phó Giám đốc cảng hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

Tháng 03/2018, ông được đề cử làm Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ban Điều hành



Ban Kiểm soát

ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG
Tổng Giám Đốc

NGUYỄN VĂN HÙNG CƯỜNG
Phó Tổng Giám Đốc

NGUYỄN MINH NGỌC
Phó Tổng Giám Đốc

TÔN NỮ DIỆU TRÍ
Kế toán trưởng

LƯU QUỐC HOÀNG
Trưởng Ban Kiểm soát

TRẦN THỊ THU TRANG
Kiểm soát viên

CHU KHÁNH TOÀN
Kiểm soát viên

Nội dung như phân thông tin HĐQT.

Ông là cử nhân kinh tế với 20 năm kinh nghiệm công tác tại SASCO, giữ nhiều trọng trách, chức vụ quan trọng trong lĩnh vực kế toán tài chính, quản trị và hoạch định chiến lược kinh doanh.

Ông được đề bạt làm Kế toán trưởng SASCO vào năm 2007 và bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SASCO từ năm 2015 cho tới nay.

Ông phụ trách và chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh, tài chính kế toán và hoạt động đầu tư của Công ty.

Tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị kinh doanh. Gia nhập SASCO từ năm 2003, bà đã đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển chất lượng, dịch vụ và thương hiệu sản phẩm của SASCO.

Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự SASCO từ tháng 9 năm 2016.

Bà phụ trách và chịu trách nhiệm về các hoạt động phát triển thương hiệu, phát triển sản phẩm, dịch vụ và tổ chức quản lý nhân sự của Công ty.

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính kế toán và có hơn 23 năm kinh nghiệm về quản lý và tài chính kế toán.

Bà công tác tại SASCO từ năm 2005 và giữ chức vụ Phó phòng Tài chính Kế toán SASCO từ năm 2012 cho tới cuối năm 2016, Bà được đề bạt làm Kế toán trưởng SASCO.

Cử nhân Tài chính Kế toán với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán nội bộ.

Ông từng giữ chức vụ Phó Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ chế độ chính sách- Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam trước khi được đề cử làm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty vào tháng 03/2018.

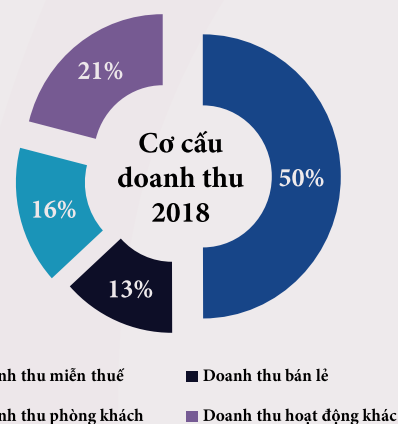
Cử nhân Kế toán kiểm toán cùng với 10 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Tháng 04/2016, bà được đề cử làm Kiểm soát viên Công ty.

Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán nội bộ. Ông hiện là chuyên viên Ban Tài chính Kế toán của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Tháng 03/2018, ông được đề cử làm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực

Trong cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu thương mại: kinh doanh hàng miễn thuế, chiếm phần lớn tỷ trọng đạt 50%. Hoạt động bán lẻ, phòng khách và hoạt động khác chiếm lần lượt 13%, 16% và 21%.



Nhờ cơ cấu lại các sản phẩm dịch vụ, thương mại cũng như kiểm soát chặt chẽ chi phí nên lợi nhuận gộp của SESCO đã tăng trưởng 15% đạt tỷ suất lợi nhuận gộp 45,6% cao hơn gần 1,0% so với các năm trước nhờ đó gia tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng
Tổng doanh thu	2.515.578	2.825.087	12%
Tổng doanh thu thuần	2.369.395	2.658.903	12%
Miễn thuế	1.171.138	1.328.706	13%
Bán lẻ	344.827	353.261	2%
Phòng khách	343.821	417.411	21%
Khác	509.618	559.930	10%
Lợi nhuận gộp	1.057.218	1.211.890	15%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	44,6%	45,6%	1,0%

Nguồn: SESCO

BÁO CÁO THU NHẬP

Năm kết thúc 31/12	2015	2016	2017	2018	Thay đổi
Tổng doanh thu	2.244	2.296	2.516	2.825	12%
Doanh thu thuần	1.996	2.110	2.369	2.659	12%
Lợi nhuận gộp	741	908	1.057	1.212	15%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/ DTT	37%	43%	45%	46%	1,0%
Lợi nhuận sau thuế	12	246	293	341	16%
ROE	1%	17%	22%	26%	4%
ROA	1%	12%	14%	16%	2%

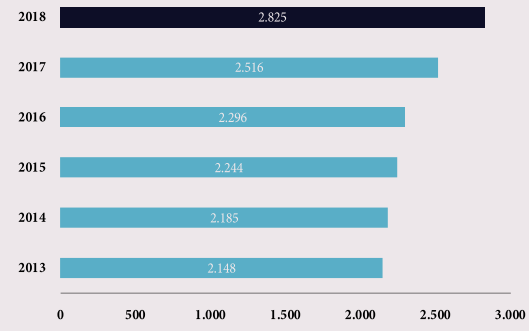
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tổng tài sản	1.993	2.066	2.153	2.213	3%
Tài sản ngắn hạn	1.060	1.211	1.285	1.370	7%
Tài sản dài hạn	933	854	868	843	-3%
Tổng nợ phải trả	666	580	607	675	11%
Nợ ngắn hạn	666	577	590	674	14%
Nợ dài hạn	0	3	17	1	
Vốn chủ sở hữu	1.327	1.486	1.545	1.539	

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

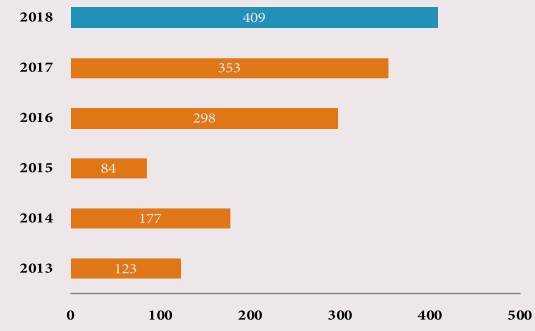
LN trước thay đổi vốn lưu động	231	220	341	334	
Dòng tiền từ HĐ kinh doanh	65	23	320	232	
Dòng tiền từ HĐ đầu tư	43	115	-3	-248	
Dòng tiền từ HĐ tài chính	52	-157	-259	-330	
Lưu chuyển tiền thuần	160	-18	57	-347	
Tiền, tương đương tiền cuối kỳ	508	490	547	200	12%

Đơn vị: Tỷ đồng



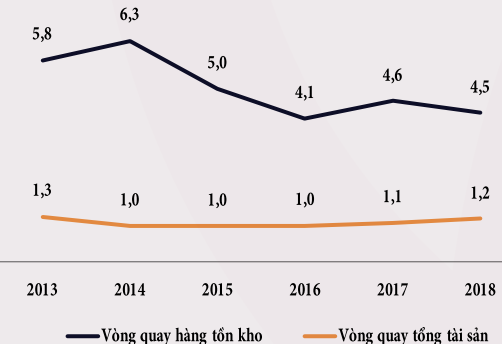
Đơn vị: Tỷ đồng

2.825 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng bình quân 5,7% trong giai đoạn 2013 - 2018



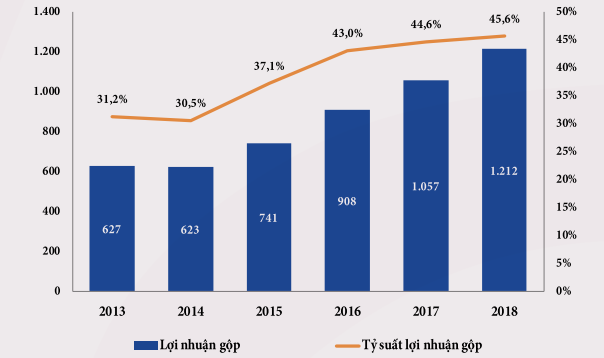
Đơn vị: Tỷ đồng

LNTT năm 2018 đạt 409 tỷ, cao nhất trong giai đoạn 6 năm từ 2013 - 2018, đạt tăng trưởng bình quân 27,24%/năm



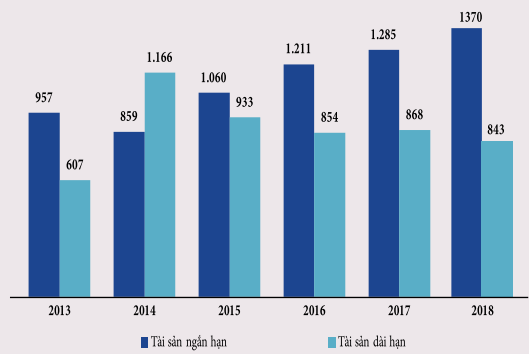
Đơn vị: Tỷ đồng

Các hệ số vòng quay tài sản, hàng tồn kho đều tương đối ổn định và phù hợp với môi trường kinh doanh



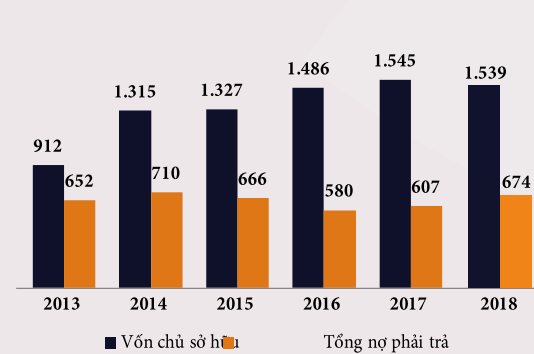
Đơn vị: Tỷ đồng

1.212 tỷ đồng lợi nhuận gộp, đạt tỷ suất lợi nhuận gộp 45,6% tăng 1,0% so với năm trước



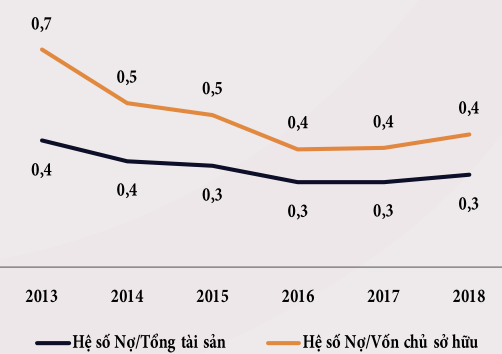
Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng tài sản đạt 2.153 tỷ đồng

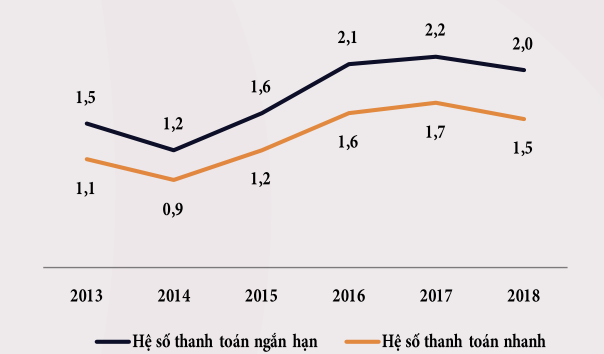


Đơn vị: Tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu đạt 2.213 tỷ đồng



Chỉ số cơ cấu vốn ổn định, biến động khoảng 2013-2014 do ảnh hưởng định giá lại doanh nghiệp để cổ phần hóa



Các chỉ tiêu hệ số thanh toán luôn được giữ ổn định đảm bảo an toàn tài chính

34 Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

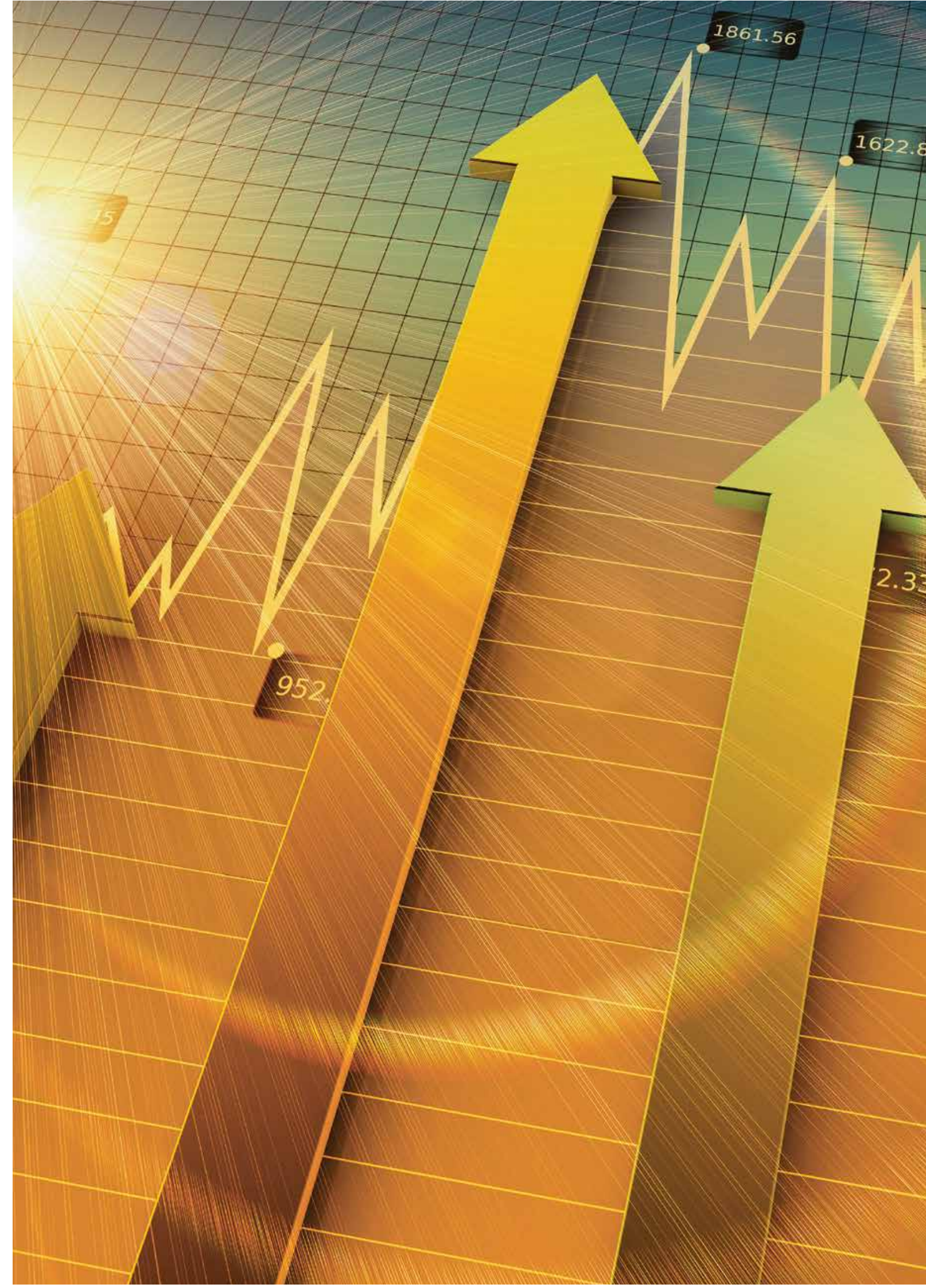
Kinh tế vĩ mô ổn định

Theo Tổng cục Thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 và tăng 2,98% so với tháng 12/2017. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.

Trong năm, nhiều hãng hàng không trong nước và nước ngoài đã công bố kế hoạch mở đường bay, thực hiện các chuyến bay nối Việt Nam với các điểm đến ở nước ngoài. Doanh thu du lịch lữ hành năm nay ước tính đạt 41 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 14,1% so với năm trước. Nhu cầu du lịch trong và ngoài nước cùng với lượng khách quốc tế đến nước ta tăng mạnh góp phần tăng doanh thu cho hoạt động du lịch lữ hành.

Nhìn chung trong năm 2018, kinh tế cả nước tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm, SASCO tiếp tục thực hiện đổi mới sản phẩm dịch vụ kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ với trọng tâm nhắm vào nhu cầu của hành khách làm tiền đề tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận

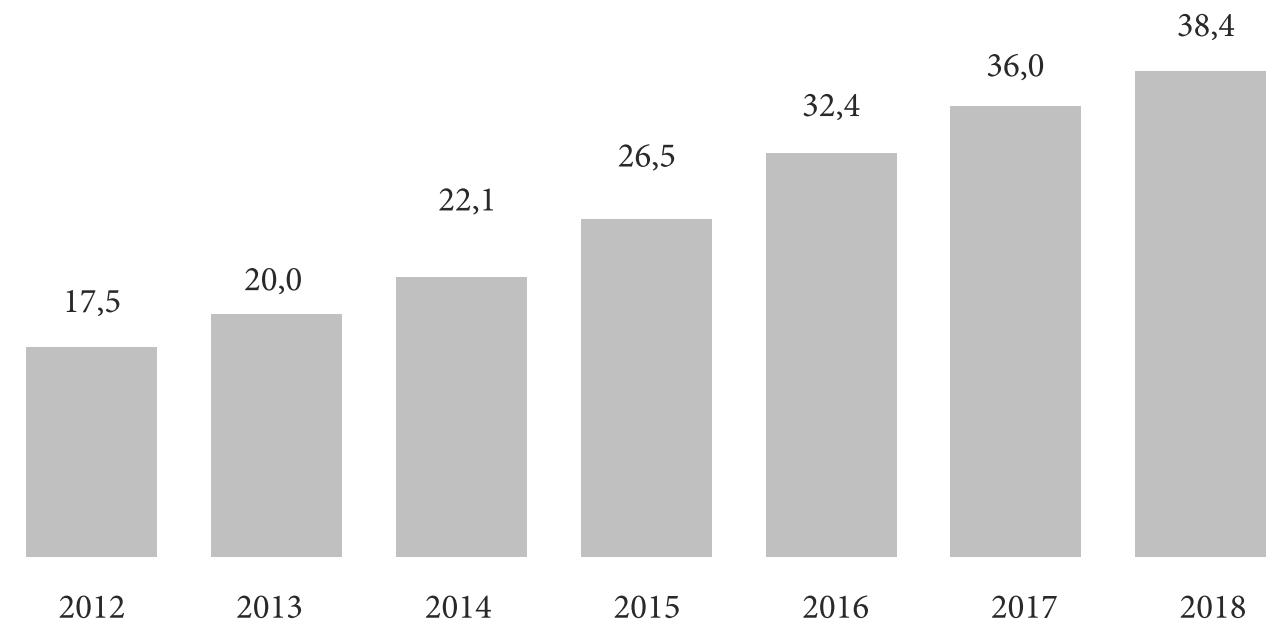


Môi trường kinh doanh

Thị trường kinh doanh sân bay được mở cửa, mang tới các thách thức nhưng đồng thời là động lực cho SASCO cố gắng, phấn đấu, đương đầu và hoàn thiện để ngày càng phát triển trong quá trình hội nhập kinh tế



SẢN LƯỢNG HÀNH KHÁCH TÂN SƠN NHẤT Đơn vị: Triệu người



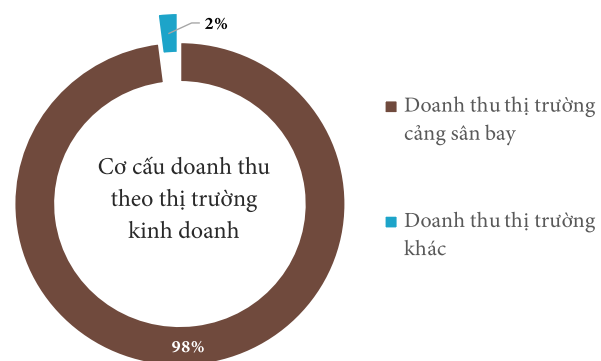
Hiện tại Phú Quốc có 248 dự án đầu tư du lịch với diện tích 9.611 ha, với nhiều khách sạn, khu nghỉ dưỡng với quy mô ngang tầm quốc tế, đạt tiêu chuẩn 4 – 5 sao như Vinpearl resort ở Bắc đảo, Novotel resort ở Trung đảo và Mariot resort ở Nam đảo...; đầu tư bệnh viện quốc tế, các khu vui chơi giải trí, casino, safari, cáp treo qua biển, sân golf 18 lỗ... Toàn đảo có hơn 17.000 phòng nghỉ với trên 500 cơ sở lưu trú...

Thị trường Cam Ranh: Trong tháng 7 năm 2018 Sasco đã đi vào hoạt động kinh doanh dịch vụ phòng khách CIP tại nhà ga Sân bay quốc tế Cam Ranh (T2). Theo số liệu báo cáo sản lượng vận chuyển năm 2018 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam, sản lượng hành khách năm 2018 tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh đạt hơn 8 triệu lượt hành khách, tăng 28% so với năm 2017, trong đó khách nội địa là 3 triệu lượt, tăng 10% và khách quốc tế là hơn 5 triệu lượt, tăng 43% so với năm 2017.

Thị trường kinh doanh

Thị trường Tân Sơn Nhất: sản lượng hành khách năm 2018 sân bay Tân Sơn Nhất đạt hơn 38,4 triệu lượt hành khách, tăng 7% so với năm 2017; trong đó sản lượng hành khách trong nước là 23,5 triệu lượt, tăng 5% và sản lượng hành khách quốc tế là 15 triệu lượt, tăng 9,5% so với năm 2017.

Thị trường Phú Quốc: Theo số liệu thống kê du lịch Phú Quốc, năm nay tổng số khách du lịch tới Phú Quốc đạt 4 triệu lượt khách (khách quốc tế đạt 536 ngàn lượt), tăng 36% so với năm 2017.



+11,7%

Tổng doanh thu bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng Việt Nam tăng trưởng

+14,1%

Doanh thu du lịch lữ hành Việt Nam tăng trưởng

Báo cáo hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2017 TH	2018 TH	KH 2018	% tăng trưởng	% kế hoạch
Tổng doanh thu	2.515.578	2.825.087	2.625.295	12%	107%
Doanh thu SXKD thuần	2.369.395	2.658.903	2.515.035	12%	106%
Lợi nhuận trước thuế	353.462	408.550	334.292	16%	122%

Kết quả kinh doanh trong năm

Tổng doanh thu của SASCO năm 2018 đạt 2.825 tỷ đồng tăng 12% so với năm 2017, hoàn thành 107% kế hoạch trong đó doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính đạt 2.658 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2017 đạt 106% kế hoạch;

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 409 tỷ đồng tăng 16% so với năm 2017, đạt 122% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Công ty tiếp tục giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không hàng đầu tại cảng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh Thuận lợi

Sự tăng trưởng liên tục trong những năm qua của ngành hàng không, nhất là thị trường cốt lõi tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là cơ sở vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hình ảnh, thương hiệu cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty ngày càng được cải thiện nâng cao đã tạo nên giá trị vững chắc trong và ngoài ngành. Thương hiệu SASCO tiếp tục được khẳng định là một thương hiệu mạnh, được xếp hạng là một trong 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam và nằm trong Top 10 nhà bán lẻ uy tín nhất năm 2018 theo công bố của Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam (Việt Nam Report); được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xếp hạng Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2018...

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam, Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất cùng với sự hỗ trợ tích cực của

các cơ quan liên quan, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

Sản lượng hành khách qua Cảng hàng không quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất tăng trưởng 7% trong năm 2018 đã giúp sản lượng giao dịch và doanh thu từ các hoạt động kinh doanh lõi tăng trưởng tốt như kinh doanh miễn thuế, hệ thống bán lẻ SASCO SHOP, dịch vụ phòng khách....

Trong năm Công ty thực hiện chính sách tập trung gia tăng lợi nhuận, cơ cấu lại các hoạt động đã giúp tỷ suất lợi nhuận gộp không bao gồm lương và khấu hao tăng từ 46% lên 47%.

Thách thức

Cạnh tranh gay gắt giữa các nhà cung cấp dịch vụ của nhiều doanh nghiệp tại thị trường sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Tốc độ tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào công suất thiết kế nhà ga trong bối cảnh các cảng hàng không hiện đang quá tải tại các sân bay trực chính. Việc quá tải ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng và làm giảm sức mua của hành khách.

Thị trường du lịch tại Phú Quốc đầy tính cạnh tranh với sự xuất hiện của nhiều điểm đến du lịch được đầu tư quy mô. Chất lượng nghỉ dưỡng tại Phú Quốc ngày một hoàn thiện và được nâng cao để thu hút đông đảo khách du lịch. Trước thực tế này Công ty cũng đã tiến hành thực hiện sửa chữa, cải tạo lại khách sạn Blue Lagoon từ tháng 09/2018 để đáp ứng nhu cầu thị trường tại Phú Quốc.

Kết quả hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả kinh doanh bộ phận

Doanh thu các bộ phận đạt mức tăng trưởng từ 2-20% nhờ sản lượng giao dịch tăng trưởng tại thị trường kinh doanh chính tại sân bay Tân Sơn Nhất. Hoạt động miễn và kinh doanh phòng khách có mức tăng trưởng lần lượt là 13% và

21% nhờ sản lượng giao dịch tăng tương ứng, trong khi các hoạt động khác doanh thu tăng trưởng đạt 10% do công ty tập trung vào các hoạt động lõi tại nhà ga sân bay và thực hiện tái cơ cấu một số lĩnh vực kinh doanh chưa hiệu quả.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2017	Tăng trưởng
Doanh thu kinh doanh bộ phận	2.658.903	2.369.395	12%
Miễn thuế	1.328.706	1.171.138	13%
Bán lẻ	352.856	344.818	2%
Phòng khách	417.411	343.821	21%
Khác	559.930	509.618	10%
Kết quả kinh doanh bộ phận	451.214	424.681	6%
Miễn thuế	133.834	142.313	-6%
Bán lẻ	40.854	65.696	-38%
Phòng khách	173.114	143.205	21%
Khác	103.412	73.468	41%
Các phí không phân bổ	(110.101)	(131.479)	-16%
Lợi nhuận sau thuế	341.114	293.202	16%

Tổng doanh thu các bộ phận đạt mức tăng trưởng 12% nhờ sản lượng giao dịch tăng trưởng tại thị trường kinh doanh chính tại sân bay Tân Sơn Nhất

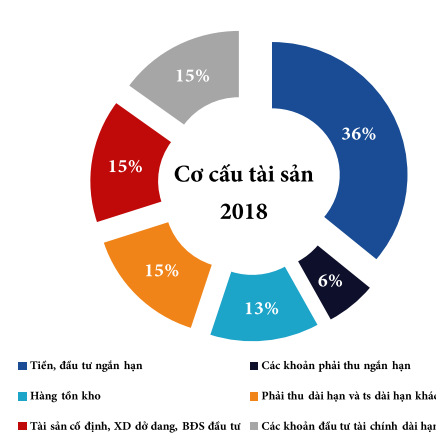
Từ tháng 07/2018, Công ty đưa vào khai thác dịch vụ phòng khách CIP tại sân bay Quốc tế Cam Ranh, góp phần tăng trưởng cho doanh thu và lợi nhuận của hoạt động phòng khách.

Nhờ tập trung tập trung vào các hoạt động lõi tại nhà ga sân bay và thực hiện tái cơ cấu một số lĩnh vực kinh doanh chưa hiệu quả, lợi nhuận kinh doanh của Công ty tăng trưởng 16% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình tài chính

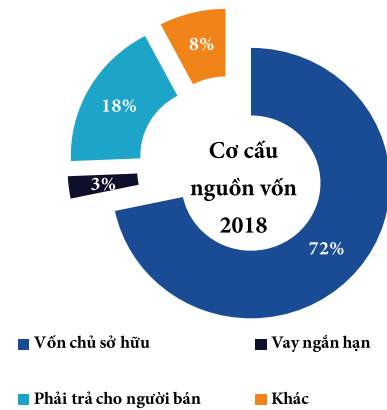
Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Tổng tài sản SASCO vào ngày 31/12/2018 được phân bổ đồng đều phù hợp với mô hình kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại theo đó chủ yếu là tài sản ngắn hạn (chiếm 62% tổng tài sản), trong đó tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư tiền gửi chiếm 36%.



Các biến động tài sản, nguồn vốn trọng yếu

Kết thúc năm 2018, cơ cấu nguồn vốn và tài sản không có biến động đáng kể nào.



Tổng nguồn vốn không có nhiều biến động trong đó vốn chủ sở hữu của SASCO chiếm phần lớn cơ cấu nguồn vốn (72% tổng nguồn vốn), tỷ lệ sử dụng đòn bẩy (D/E) ở mức 0,4 lần tương đối thấp so với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

Cơ cấu tài chính của Công ty được giữ ở trạng thái cân bằng khi tài sản ngắn hạn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Các khoản tài sản dài hạn (tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn) đều được tài trợ bởi nguồn vốn dài hạn, ổn định từ vốn chủ sở hữu nhờ vậy rủi ro tài chính được hạn chế tối đa.

Báo cáo tình hình đầu tư

Tình hình đầu tư các dự án kinh doanh

Hiện tại SASCO đang kế thừa và tiếp tục làm chủ đầu tư của một số dự án từ giai đoạn trước cổ phần hóa, các dự án này vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Trong năm Công ty tiếp tục công tác bồi thường và triển khai thủ tục pháp lý liên quan đến các dự án có sử dụng đất tại các địa phương. Giá trị thực hiện đầu tư các dự án trong năm:

TT	Dự án	Quy mô	Vị trí	Đầu tư trong năm (triệu đồng)
1	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa	131,3 ha	P7, tp.Đà Lạt	3.137
2	Khách sạn SASCO - Nha Trang	7.702 m ²	P. Vinh Hòa, tp. Nha Trang	1.342
3	Dự án Suối Nhung Bình Phước	157 ha	Tỉnh Bình Phước	1.340
4	TỔNG CỘNG			5.819

Tình hình đầu tư, sửa chữa lớn

Theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, trong năm 2018 công ty đã hoàn thành việc sửa chữa, cải tạo nâng cấp các Quán hàng tại nhà ga quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất và mua sắm trang thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nội dung	Giá trị thực hiện (triệu đồng)
Đầu tư, sửa chữa lớn	46.347
Mua sắm, thay thế trang thiết bị, phần mềm	3.799
TỔNG CỘNG	50.146

Tình hình đầu tư công ty con, liên kết

Hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết đều mang lại hiệu quả. Trong năm 2018, các đơn vị Công ty đầu tư góp vốn hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi với cổ tức nhận được đạt 96 tỷ đồng đạt tỷ lệ 33% trên giá trị đầu tư tài chính dài hạn.

Cải tiến về hoạt động kinh doanh

Thực hiện mục tiêu tăng cường hiệu quả kinh doanh, giữ vững thương hiệu dẫn đầu dịch vụ thương mại sân bay tại Việt Nam, năm 2018 Công ty triển khai xuyên suốt nhiều giải pháp kinh doanh, đầu tư theo chiều sâu nâng cao chất lượng phục vụ hành khách tại sân bay Tân Sơn Nhất, đồng thời phát triển chiều rộng, tiến ra thị trường ngoài sân bay với lĩnh vực thể mạnh.



SASCO liên tục đổi mới sản phẩm dịch vụ kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ với trọng tâm nhắm vào nhu cầu của hành khách

Củng cố vị thế là nhà cung cấp dịch vụ sân bay hàng đầu

SASCO đứng thứ 5 trong Top 10 nhà bán lẻ uy tín nhất 2018 theo công bố mới nhất của VNR 2018. (Tăng 1 hạng so với năm 2017). SASCO tiếp tục giữ vững vị thế số một là nhà cung cấp dịch vụ phòng chờ hạng thương gia uy tín và chất lượng, và nhà bán lẻ hệ thống cửa hàng miễn thuế tại sân bay qua việc liên tục nâng cấp và đổi mới hình ảnh, đưa vào khai trương các cửa hàng mới.

Thị trường sân bay

Đầu tư, nâng cấp tổng thể hệ thống SASCO Shop tại ga đi quốc tế và quốc nội sân bay. Hệ thống bán lẻ với thương hiệu SASCO Shop đã phát huy tốt năng lực, lợi thế đạt hiệu quả kinh doanh ấn tượng. Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi Fresh 2 go, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tiện lợi của hành khách không có nhu cầu chi tiêu cao.

Cải tạo, nâng cấp các cửa hàng miễn thuế SASCO Duty Free sang trọng, đẳng cấp theo chuẩn quốc tế. Tập trung vào các ngành hàng, thương hiệu đáp ứng thị hiếu khách hàng và mang lại doanh thu cao.

Thương hiệu SASCO Business Lounge không ngừng được hoàn thiện chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt yêu cầu tiêu chuẩn dịch vụ của đối tác hãng hàng không và đem đến sự hài lòng cao nhất của khách thương gia. Khai trương phòng chờ Le Saigonnais tại ga đi quốc tế, mang đến trải nghiệm văn hóa địa phương độc đáo cho khách thương gia trước khi rời thành phố. Le Saigonnais nhận được nhiều đánh giá tích cực từ khách hàng bởi sự sự tinh tế, chuyên nghiệp, khác biệt và đẳng cấp.

Thị trường ngoài sân bay

Năm 2018, Công ty thực hiện hợp đồng cung cấp suất ăn với Tổng công ty đường sắt Việt Nam theo đó đã cung cấp dịch vụ suất ăn gồm bữa chính và các bữa ăn phụ cho hành khách đi trên 4 đoàn tàu SE hành trình Sài Gòn – Hà Nội – Sài Gòn.

Triển khai Amazing Railtour, dịch vụ du lịch bằng tàu lửa thế hệ 3 hiện đại nhất Việt Nam hiện nay, đưa hành khách tự do khám phá cung đường biển đẹp nhất Việt Nam trên tuyến đường sắt Bắc Nam. Những trải nghiệm văn hóa sâu sắc, thưởng thức ẩm thực từng vùng miền, ngắm nhìn cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp qua ô cửa tàu - sẽ là những trải nghiệm du lịch độc đáo thú vị.

Tháng 09/2018 Công ty đã khởi công triển khai sửa chữa và cải tạo khách sạn Blue Lagoon theo tiêu chuẩn 5 sao Boutique nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường du lịch cao cấp tại Phú Quốc. Tháng 10/2018, SASCO đã triển khai dự án xe buýt tham quan Phú Quốc Bustour.

Năm 2018, SASCO hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách.

Tăng cường phát triển thương hiệu

Trong năm, SASCO tiếp tục đạt được bước tiến lớn trong chiến lược phát triển thương hiệu, nâng cao vị thế Công ty. Khẳng định chất lượng dịch vụ, kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng, cùng những đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội và nâng tầm thương hiệu quốc gia trên đường hội nhập, SASCO tiếp tục ghi dấu mốc thành công với nhiều thành tựu và giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế. Tăng cường hoạt động Digital Marketing nhằm tăng nhận diện thương hiệu của Sasco, các thương hiệu nhánh và sản phẩm dịch vụ và tăng cường hiệu quả kinh doanh của kênh Digital thông qua việc xúc tiến thương mại điện tử.



Quản trị rủi ro

“ Để giảm thiểu các rủi ro có thể gặp, Công ty đã xây dựng một chiến lược quản lý rủi ro để đảm bảo mục tiêu kinh doanh, tạo ra lợi thế cạnh tranh nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất. Việc thành lập các bộ phận chức năng: Kiểm toán nội bộ, Pháp lý và kiểm soát tuân thủ để kiểm soát những rủi ro có thể xảy ra đã đem lại những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của Công ty ”



Các rủi ro trọng yếu Công ty

Rủi ro kinh tế

Sự tăng trưởng bền vững và ổn định của nền kinh tế trong nước và thế giới sẽ tạo nền tảng vững chắc duy trì, tăng trưởng sức mua và niềm tin tiêu dùng của khách hàng, tác động tích cực đến hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ của Công ty.

Rủi ro phụ thuộc vào thị trường sân bay

Doanh thu của Công ty đang tập trung vào thị trường chính là địa bàn tại sân bay Tân Sơn Nhất. Kết quả hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng xấu bởi các yếu tố, bao gồm yếu tố chính trị, thiên tai, bệnh tật trong hoạt động du lịch thương mại, sản lượng hành khách hay thay đổi về các quy định pháp lý tại sân bay Tân

Sơn Nhất. Bất kỳ sự gián đoạn nào trong hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất đều có ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm qua và xu hướng trong tương lai, Công ty luôn phải cạnh tranh với một loạt các nhà cung

cấp dịch vụ khác tại các mảng kinh doanh của Công ty bao gồm dịch vụ thương mại phi hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất, dịch vụ khách sạn và vận tải tại Phú Quốc..

Rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng

Theo đánh giá của Công ty, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất, xu hướng thay đổi hành vi tiêu dùng khi khách hàng lựa chọn sản phẩm dịch vụ có thương hiệu sẽ ngày càng diễn ra nhanh, phức tạp hơn trong những năm tới. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ phải áp dụng những cải tiến đặc biệt về công tác xây dựng thương hiệu, marketing sản phẩm, dịch vụ. Điều này có thể dẫn đến chi phí cao bán hàng hơn nhiều so với trước đó kéo theo tỷ suất lợi nhuận có thể bị sụt giảm đáng kể.

Rủi ro thương hiệu

Là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty

Rủi ro nhân sự

Sau hơn 24 năm tăng trưởng và phát triển đặc biệt sau khi thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, dẫn đến việc Công ty bị thiếu hụt nguồn nhân lực phù hợp cho định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo cả về số lượng và chất lượng, nhất là các nhân sự cấp cao. Việc mất đi bất cứ cá nhân nào trong số này hoặc không thể/chậm đào tạo, tuyển dụng bổ sung cho các vị trí chiến lược đều có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro đặc thù

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại, hoạt động kinh doanh của Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành thương mại đòi hỏi Công ty phải có chiến lược đứng đắn và hệ thống quản trị, giám sát vốn lưu động đặc biệt phải thu và hàng tồn kho.

Rủi ro tỷ giá

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Thay đổi quy định của pháp luật

Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để đáp ứng các cam kết khi gia nhập các tổ chức quốc tế nên cơ chế và chính sách áp dụng đối với hoạt động kinh doanh hàng không của luôn có những thay đổi. Các cơ chế đấu thầu mặt bằng tại sân bay và những chính sách quản lý giá dịch vụ phi hàng không sẽ ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro thay đổi chính sách và pháp luật trong nước và quốc tế liên quan đến các vấn đề về tranh chấp, thuế, xuất nhập khẩu, sở hữu trí tuệ... khiến Công ty không tuân thủ kịp thời các yêu cầu để ra; cũng như vướng vào các tranh chấp pháp lý. Quá trình tham gia tố tụng cũng sẽ tiêu tốn rất nhiều chi phí, nguồn lực... Các chi phí phát sinh trong quá trình tham gia tố tụng thường khó kiểm soát và có thể sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

“Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2019 sẽ tiếp tục ghi nhận việc lạm phát được kiểm chế và GDP tăng trưởng trên 6%. Ngành hàng không tiếp tục đóng vai trò đầu tàu trong nền kinh tế mở với tốc độ tăng trưởng khách đạt hai con số.

Tổng quan môi trường kinh doanh
Quốc hội vừa thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 với mức tăng GDP 6,6 - 6,8%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7 - 8%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33 - 34% GDP. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2019 có nhiều thuận lợi từ bối cảnh thế giới và nội tại nền kinh tế. Theo dự báo của các tổ chức quốc tế, kinh tế thế giới dự kiến đạt đỉnh phục hồi vào năm 2018 và năm 2019.

Ngành Du lịch đặt mục tiêu đón 103 triệu lượt khách năm 2019, trong đó có 18 triệu khách quốc tế, phục vụ 85 triệu khách nội địa. Số lượng buồng phòng khách sạn 4 - 5 sao tăng nhanh thể hiện một phần việc khách quốc tế cao cấp, phân khúc thị trường có mức chi trả cao tăng. Đồng thời thể hiện khả năng cạnh tranh của Du lịch Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới cũng tăng nhanh.

Căn cứ xây dựng kế hoạch thị trường sân bay

Theo số liệu dự báo sản lượng vận chuyển năm 2019 của Cảng HKQT Tân Sơn Nhất, sản lượng khách kế hoạch 2019 ước đạt 40,47 triệu lượt khách,

tăng 5% so với ước thực hiện năm 2018 trong đó sản lượng hành khách quốc tế đạt 16,13 triệu tăng 7% so với ước thực hiện 2018; sản lượng hành khách trong nước đạt 24,34 triệu tăng 3,5% so với ước thực hiện 2018.

Nhà ga quốc tế mới Cam Ranh dự kiến trong năm 2019 sẽ triển khai giai đoạn 2 và nâng tổng công suất đạt 8 triệu khách/năm. Đường băng số 2 Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh dự kiến đưa vào khai thác, sử dụng vào quý 1 năm 2019. Hiện tại sân bay Cam Ranh đón đến 70% là khách quốc tế và chỉ có 30% khách trong nước với 18 hãng quốc tế trong tổng 21 hãng hàng không.

Thị trường ngoài sân bay

Hiện tại lượng khách tăng đột biến trong khi nguồn cung phòng còn hạn chế nên các khách sạn ở Phú Quốc hoạt động tốt hơn so với Nha Trang và Đà Nẵng, xét cả về công suất phòng và giá phòng. Bên cạnh đó, Phú Quốc bắt đầu đón nhận thêm động lực tăng trưởng mới từ thị trường Nga, khi hàng tháng có khoảng 6.000 du khách từ Nga đến Phú Quốc.

Công ty sẽ hoàn tất việc nâng cấp, sửa chữa và cải tạo khách sạn Blue Lagoon Resort dự kiến đưa vào khai thác trong năm 2019.

Dự kiến sản lượng lượt hành khách tại sân bay Tân Sơn Nhất vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng, tuy nhiên do công suất đã đạt ngưỡng quá tải dẫn tới ảnh hưởng tiêu cực tới sức mua nói chung. Trong bối cảnh thị trường kinh doanh tại sân bay Tân Sơn Nhất đã đạt ngưỡng bão hòa, nhiều đơn vị tham gia sẽ khiến SASCO phải chia sẻ thị phần hoạt động kinh doanh

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm tới

Trên cơ sở những phân tích và đánh giá trên dự kiến trong năm 2019, tổng doanh thu của SASCO dự kiến đạt 3.024 tỷ đồng tăng 7% so với năm 2018 trong đó doanh thu SXKD thuần là 2.859 tỷ đồng

tăng 8% so với năm 2018, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 425 tỷ đồng tăng 4% so với năm 2018.

(* Kế hoạch kinh doanh 2019 được xây dựng chưa tính mức tăng lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải trả cho Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	TH 2018	KH 2019	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu thuần	2.825.087	3.024.202	107%
<i>Doanh thu SXKD thuần</i>	<i>2.658.903</i>	<i>2.858.711</i>	<i>108%</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>408.550</i>	<i>424.990</i>	<i>104%</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.272	2.399	106%

Các giải pháp triển khai kế hoạch kinh doanh

Kinh doanh: Phát triển thêm sản phẩm dịch vụ và mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh đồng thời tiếp tục giữ vững vị trí là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Tập trung khai thác hiệu quả, tối ưu hoá doanh thu từ thị trường kinh doanh chủ lực của Công ty tại sân bay. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống các điểm kinh doanh, tăng cường kiểm soát, cải tiến chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ đáp ứng các phân khúc khách hàng đa dạng.

Tài chính: Phân bổ nguồn lực phù hợp với quy mô và đặc thù từng hoạt động. Đảm bảo đầy đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tình hình sử dụng vốn đảm bảo tính hiệu quả thông qua các biện pháp tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm

soát dòng tiền, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề ra các giải pháp kịp thời, phù hợp diễn biến thị trường.

Marketing: Gia tăng độ nhận diện thương hiệu Sasco và các thương hiệu nhánh. Đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị trực tuyến và tiếp thị tại điểm bán để mang lại trải nghiệm mua sắm, sử dụng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Đầu tư: Triển khai các dự án đầu tư, dự án cải tạo sửa chữa và nâng cấp các điểm kinh doanh của Công ty theo kế hoạch. Xem xét thứ tự ưu tiên thực hiện dự án đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả tối đa. Tìm kiếm và xem xét các cơ hội đầu tư tiềm năng, mang lại hiệu quả phù hợp với năng lực và định hướng của Công ty.

Báo cáo Hội đồng quản trị

Nhìn lại một năm thành công

Năm 2018 thực sự là năm thành công tiếp nối thành công của SASCOS. Trong bối cảnh thị trường có những dấu hiệu chững lại và nhiều doanh nghiệp mới trong và ngoài nước liên tục gia nhập cạnh tranh, SASCOS một lần nữa bước qua một năm thành công với những kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng. Tổng doanh thu đạt 2.825 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ và đạt 107% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 409 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ và đạt 122% kế hoạch cả năm. SASCOS đạt nhiều thành tựu và giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Thương hiệu Quốc gia của Chính phủ (Năm 2018-2019); Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2018 và TOP 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững 3 năm liên tiếp (2016-2017-2018); Giữ vị trí thứ 5 trong TOP 10 Doanh nghiệp bán lẻ uy tín nhất; Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất, 12 năm liên tiếp đạt TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Giải thưởng kinh doanh xuất sắc Châu Á (APEA) do Enterprise Asia bình chọn. Nơi làm việc tốt nhất châu Á do HR Asia vinh danh.



Thị trường kinh doanh

Thị trường Tân Sơn Nhất: Theo số liệu báo cáo sản lượng vận chuyển năm 2018 của Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, sản lượng hành khách năm 2018 sân bay Tân Sơn Nhất đạt hơn 38,4 triệu lượt hành khách, tăng 7% so với năm 2017; trong đó sản lượng hành khách trong nước là 23,5 triệu lượt, tăng 5% và sản lượng hành khách quốc tế là 15 triệu lượt, tăng 9,5% so với năm 2017. Các hoạt động kinh doanh tại sân bay Tân Sơn Nhất tiếp tục là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Sasco.

Thị trường Phú Quốc: Theo số liệu thống kê du lịch Phú Quốc, năm nay tổng số khách du lịch tới Phú Quốc đạt 4 triệu lượt khách (khách quốc tế đạt 536 ngàn lượt), tăng 36% so với năm 2017.

Theo thống kê gần đây các khách sạn, resort và biệt thự nghỉ dưỡng tại Phú Quốc hiện đã khai thác tối đa công suất cho thuê. Cụ thể công suất thuê khách sạn 4-5 sao tại Phú Quốc có thời điểm chạm ngưỡng 90% mức giá trên 260 USD/đêm.

Thị trường Cam Ranh: Trong tháng 7 năm 2018 SASCO đã đi vào hoạt động kinh doanh dịch vụ

phòng khách CIP tại nhà ga Sân bay quốc tế Cam Ranh (T2). Nhà ga T2 gồm 3 tầng, sở hữu quy mô vượt trội so với nhà ga cũ với tổng diện tích sàn hơn 50.000 m2, đạt mục tiêu công suất đón 8 triệu lượt khách/năm vào năm 2030.

Kết quả thực hiện SXKD được ĐHĐCĐ giao

Tổng doanh thu của SASCO năm 2018 đạt 2.825 tỷ đồng tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành đạt 107% kế hoạch trong đó doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính đạt 2.659 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước đạt 106% kế hoạch;

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 409 tỷ đồng tăng 16% so với năm 2017, đạt 122% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Công ty tiếp tục giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không hàng đầu tại Cảng hàng không quốc tế sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Thay đổi cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2018

Trong năm, Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thực hiện bầu thay thế các Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát.

STT	Thành viên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	Không thay đổi
2	Bà Đoàn Thị Mai Hương	TV HĐQT	Không thay đổi
3	Bà Trần Thị Minh Nguyệt	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/03/2018
4	Ông Nguyễn Nam Tiến	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/03/2018
5	Bà Lê Hồng Thủy Tiên	TV HĐQT	Không thay đổi
6	Ông Đặng Tuấn Tú	TV HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/03/2018
7	Ông Phan Lê Hoan	TV HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/03/2018

Hoạt động giám sát

HĐQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2018 của Tổng Giám đốc bằng các phương pháp như sau:

- Nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt, theo sát tiến độ thực hiện sản xuất kinh doanh, đồng thời đóng góp ý kiến và đề xuất giải pháp trực tiếp cho những vấn đề còn vướng mắc.
- Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có nhu cầu, HĐQT nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, xem xét tờ trình của Tổng Giám đốc và thực hiện trao đổi, chất vấn Tổng Giám đốc về HĐSXKD. HĐQT cùng bàn bạc với Ban Tổng Giám đốc để tìm ra giải pháp tốt nhất cho các vấn đề phát sinh cũng như phân tích và đo lường các rủi ro.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông, để nắm bắt thực tế việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. HĐQT tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành.
- Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 33 Nghị quyết và 16 Quyết định.

Kết quả giám sát

Năm 2018, Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất tiếp tục đạt mức tăng trưởng trên 7%. Hội đồng quản trị đánh giá cao Ban điều hành trong việc nỗ lực, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các lĩnh vực kinh doanh và thông qua đó giữ vững vị thế tại thị trường dịch vụ thương mại phi hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất. Với một tinh thần quyết liệt không

ngại khó khăn thách thức để đưa SASCO tiến thêm một bước lớn quan trọng, Hội đồng quản trị đánh giá cao việc Công ty hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao trong năm 2018.

Kết luận

Căn cứ Điều lệ, những quy chế quản trị và quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị đã phân cấp cho Ban Tổng Giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và chương trình hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho. Đồng thời, Hội đồng quản trị bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời xem xét để xử lý các phát sinh ngoài kế hoạch cũng như quyết định những nội dung vượt phân cấp của Ban Tổng Giám đốc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Theo đó Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018 do ĐHĐCĐ phê duyệt, đồng thời thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, hoàn thiện công tác quản trị Công ty.

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên	Chức danh	Ghi chú	Số buổi tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch HĐQT - không điều hành	Không thay đổi	4/4	100%
2	Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	Không thay đổi	4/4	100%
3	Bà Trần Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT - không điều hành	Được bầu làm TV HĐQT từ tháng 3	4/4	100%
4	Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT - không điều hành	Được bầu làm TV HĐQT từ tháng 3	4/4	100%
5	Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên HĐQT - không điều hành	Không thay đổi	4/4	100%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh:

Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách qua các hoạt động:

- + Khai trương thêm các quầy và cửa hàng kinh doanh, khai trương Phòng khách đậm bản sắc văn hóa địa phương duy nhất tại Việt Nam- Le Saigonais.....
- + Thực hiện hợp đồng cung cấp suất ăn với Tổng công ty đường sắt Việt Nam theo đó đã cung cấp dịch vụ suất ăn gồm bữa chính và các bữa ăn phụ cho hành khách đi trên 4 đoàn tàu SE hành trình Sài Gòn – Hà Nội – Sài Gòn.
- + Triển khai sửa chữa và cải tạo khách sạn Blue Lagoon theo kiểu dáng Boutique hotel tương đương khách sạn 4 sao nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.
- + Triển khai dự án xe buýt tham quan Phú Quốc Bus tour, cung cấp dịch vụ tham quan các danh lam thắng cảnh, điểm lịch sử văn hóa địa phương bằng xe bus. Năm 2018, SASCO hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách

Giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ sân bay hàng đầu:

SASCO đứng thứ 5 trong Top 10 nhà bán lẻ uy tín nhất 2018 theo công bố mới nhất của VNR 2018. (Tăng 1 hạng so với năm trước). SASCO tiếp tục giữ vững vị thế số một là nhà cung cấp dịch vụ phòng chờ hạng thương gia uy tín và chất lượng, và nhà bán lẻ hệ thống cửa hàng miễn thuế tại

sân bay qua việc liên tục nâng cấp và đổi mới hình ảnh, đưa vào khai trương các cửa hàng mới.

Thực hiện kiện toàn tổ chức:

- + Thành lập Chi nhánh Công ty tại Khánh Hòa
- + Thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội và giải thể chi nhánh Hà Nội
- + Thành lập phòng kinh doanh dịch vụ phòng chờ
- + Bổ sung chức năng kiểm toán nội bộ cho phòng pháp lý và kiểm soát tuân thủ.

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện SASCO không thành lập các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị thực hiện phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên HĐQT chuyên trách quản lý từng chức năng nhân sự, khen thưởng, quản trị rủi ro....

Các Nghị quyết Hội đồng quản trị

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm, trao đổi định hướng kế hoạch cho quý sau, đồng thời đưa ra các quyết định kịp thời cho việc quản trị công ty. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên. Trong năm, HĐQT đã ban hành 33 Nghị quyết bao gồm:

TT	Số	Ngày	Nội dung
1	01-2018/NQ-HĐQT	30/01/2018	Thông qua chủ trương phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi của CBCNV SASCO đã nghỉ việc
2	02-2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Thông qua việc xếp lương Ban Điều hành Cty năm 2018
3	03-2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018
4	04-2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Thông qua việc tạm trích quỹ thưởng HĐQT, BKS năm 2018
5	05-2018/NQ-HĐQT	05/03/2018	Thông qua việc thành lập Chi nhánh Công ty CP DV HK SB TSN tại Khánh Hòa
6	09-2018/NQ-HĐQT	09/03/2018	Thông qua chủ trương thực hiện thủ tục dừng hoạt động Công ty liên doanh Nhà Việt (Viethaus tại CHLB Đức)
7	10-2018/NQ-HĐQT	16/03/2018	Thông qua và trình ĐHĐCĐ BCTC tổng hợp đã kiểm toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
8	11-2018/NQ-HĐQT	28/03/2018	Thông qua việc quyết toán quỹ tiền lương Công ty năm 2018
9	12-2018/NQ-HĐQT	28/03/2018	Thông qua việc quyết toán quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2018
10	14-201/NQ-HĐQT	28/03/2018	Thông qua việc giao Kế hoạch hoạt động và quỹ lương Công ty năm 2018
11	14A-2018/NQ-HĐQT	28/03/2018	Thông qua Kế hoạch đầu tư chi tiết năm 2018
12	15-2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt cuối - năm 2017
13	16-2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Thông qua Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT
14	17-2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Thông qua Chương trình hoạt động của HĐQT
15	18-2018/NQ-HĐQT	21/05/2018	Thông qua việc Thanh lý tài sản hư hỏng, tổn động không có nhu cầu sử dụng - đợt 01.2018
16	19-2018/NQ-HĐQT	21/05/2018	Thông qua việc Thanh lý Hợp đồng với ACB Leasing v/v thuê tài chính đầu tư 04 xe Cobus
17	20-2018/NQ-HĐQT	21/05/2018	Thông qua kế hoạch thực hiện gói thầu "Soát xét BCTC 06 tháng và kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty SASCO"
18	21-2018/NQ-HĐQT	21/05/2018	Thông qua dự án Đầu tư 05 xe bus chờ khách C cho đội xe sân đỗ TTMM
19	22-2018/NQ-HĐQT	28/05/2018	Thông qua dự án Đầu tư cải tạo Blue Lagoon Resort
20	23-2018/NQ-HĐQT	28/05/2018	Thông qua việc Ký Hợp đồng hợp tác khai thác 02 phòng CIP Cam Ranh với Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh
21	24-2018/NQ-HĐQT	22/06/2018	Thông qua dự án Đầu tư cải tạo phòng khách Le Saigonais Quốc tế
22	25-2018/NQ-HĐQT	05/07/2018	Thông qua kế hoạch chốt danh sách cổ đông xin ý kiến bằng văn bản về việc điều chỉnh Kế hoạch hoạt động năm 2018
23	26-2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	Thông qua Phân cấp thẩm quyền HĐQT và Tổng Giám đốc
24	27-2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản về việc Tạm ứng cổ tức đợt 1.2018 bằng tiền mặt
25	28-2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	Thông qua việc thanh lý đợt 02/2018
26	29-2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	Kế hoạch các bước thực hiện việc bán thanh lý cho lô 05 xe COBUS
27	30-2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	Thông qua Quy chế quản lý Người đại diện vốn SASCO tại Doanh nghiệp khác
28	31-2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	Thông qua việc thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư Khách sạn - Thương mại & Căn hộ SASCO Phú Quốc
29	32-2018/NQ-HĐQT	02/08/2018	Thông qua việc thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư Khu nghỉ dưỡng SASCO Bà Kèo
30	33-2018/NQ-HĐQT	13/08/2018	Thông qua Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ
31	34-2018/NQ-HĐQT	3/10/2018	Tạm chi thưởng HĐQT-BKS 6 tháng đầu năm 2018
32	35-2018/NQ-HĐQT	3/12/2018	Bổ sung gói thầu Cung cấp Hóa đơn điện tử vào Kế hoạch 2018
33	36-2018/NQ-HĐQT	28/12/2018	Tạm chi thưởng HĐQT, BKS năm 2018

Định hướng hoạt động

Mục tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2019 dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà tăng trưởng, mặc dù vậy Công ty có thể tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức như: cạnh

tranh của thị trường kinh doanh, chi phí khai thác mặt bằng tăng. Tuy nhiên, tiếp bước với thành quả đã đạt được SASCO tự tin tiếp tục hướng tới năm 2019 thành công với các chỉ tiêu kế hoạch tài chính quan trọng bao gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu thuần	2.825.087	3.024.202	107%
<i>Doanh thu SXKD thuần</i>	<i>2.658.903</i>	<i>2.858.711</i>	<i>108%</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>408.550</i>	<i>424.990</i>	<i>104%</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.272	2.399	106%

Định hướng hoạt động chủ yếu bao gồm:

Tiếp tục chiến lược phát triển bền vững:

Khẳng định và quyết tâm giữ vững vị thế SASCO là nhà cung cấp dịch vụ thương mại phi hàng không hàng đầu, phát triển hệ thống phân phối bán lẻ song song với việc đảm bảo hiệu quả quản trị và kiểm soát hoạt động. Cân đối hài hòa lợi ích khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.

Phát triển nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung gia tăng lợi nhuận hoạt động kinh doanh, và đẩy mạnh nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng

dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh, sự khác biệt trong mỗi sản phẩm. Thực hiện kiểm soát chặt chi phí hoạt động, đẩy mạnh công tác tiết kiệm chi phí trên toàn hệ thống từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

Triển khai chiến lược marketing và xây dựng thương hiệu:

xây dựng chuỗi các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ của SASCO để đáp ứng nhu cầu khách hàng mục tiêu. Tập trung phát triển các thương hiệu nhánh, định vị thương hiệu phù hợp cho từng phân khúc khách hàng.

Báo cáo Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm Soát (BKS) gồm ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra, trong đó có hai (02) thành viên hoạt động chuyên trách và một (01) thành viên kiêm nhiệm. Hoạt động của Ban Kiểm Soát được thực hiện dựa trên các quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Nhằm thực hiện công tác kiểm tra giám sát đạt hiệu quả cao, Ban Kiểm Soát đã bám sát và sớm triển khai Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Trong năm 2018, Ban Kiểm Soát đã tổ chức ba (03) cuộc họp chính thức, với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong BKS, để lấy ý kiến của các thành viên thông qua những vấn đề sau:

- Thống nhất Dự thảo Báo cáo giám sát năm 2017 của BKS trình ĐHĐCĐ
- Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018
- Bầu chức danh Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty
- Thực hiện việc giám sát hoạt động Công ty.

Ngoài ba phiên họp chính, BKS còn thực hiện các cuộc trao đổi công việc giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại nhằm đảm bảo hoạt động của BKS được kịp thời, liên tục.

Ban Kiểm Soát đã nỗ lực nghiên cứu, tìm hiểu, bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, từ đó có những kiến nghị kịp thời, đảm

bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông, đồng thời đã hoàn thành tốt kế hoạch, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua. Các công việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty được thực hiện cụ thể như sau:

- Tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và hội nghị giao ban của Ban Tổng Giám Đốc.
 - Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các Quy chế, Quy định nội bộ trong Công ty, việc chấp hành chế độ chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
 - Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội Đồng Quản Trị và quyết định của Ban Tổng Giám Đốc.
 - Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm tài sản.
 - Giám sát tình hình triển khai ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán, dịch vụ với khách hàng, đối tác.
 - Soát xét Báo cáo tài chính hàng quý năm 2018.
 - Giám sát việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của SASCO.
 - Giám sát các biện pháp tiết giảm chi phí Công ty.
- Trong năm 2018, bên cạnh những kiến nghị, góp ý, tư vấn của Ban Kiểm Soát tại các cuộc họp của Công ty, Ban Kiểm Soát đã phát hành 7 văn bản kiến nghị liên quan đến công tác quản lý, đầu tư, mua sắm, thực hiện Hợp đồng, hoạt động sản xuất kinh doanh,...

Kết quả kiểm soát năm 2018

Hoạt động của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) Công ty SASCO đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong việc chỉ đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty theo thẩm quyền:

- Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua.

- Phê duyệt kế hoạch SXKD của các Đơn vị, Chi nhánh phù hợp nhu cầu tăng trưởng và tình hình hoạt động năm 2018.

- Thông qua chủ trương, nội dung đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định phân cấp và Điều lệ của Công ty.

- Thực hiện việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản về việc thông qua nội dung Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty và Tạm ứng cổ tức Đợt 1 năm 2018 bằng tiền mặt.

- HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo Điều lệ quy định. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp trong năm 2018. Bên cạnh đó, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các Thành viên bằng văn bản để ra quyết định kịp thời.

- HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám Đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 33 Nghị quyết và 16 Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định đã được triển khai thực hiện. Một số nội dung của Nghị quyết đang và tiếp tục được thực hiện trong năm 2019.

Hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty như sau:

- Hoạt động, điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

- Triển khai, chỉ đạo các Đơn vị, Phòng chức năng, phối hợp thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT,

quản lý điều hành sát sao và đã xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD linh hoạt, phân công nhiệm vụ cụ thể trong công tác điều hành nhằm đảm bảo xử lý công việc kịp thời, mang lại hiệu quả cao.

- Thực hiện và phản hồi các kiến nghị của Ban Kiểm Soát.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc

Giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc đã duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp, trên nguyên tắc đảm bảo quyền lợi và lợi ích của Công ty, của Cổ đông, tuân thủ các quy định của Pháp luật và các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty.

Ngày 24/01/2019, Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát đã thống nhất ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc nhằm tạo cơ chế phối hợp rõ ràng, minh bạch, nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành, quản trị doanh nghiệp; Bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư, trách nhiệm của người điều hành và những đơn vị, cá nhân liên quan.

Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc Công ty tạo điều kiện để Ban Kiểm Soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018

Ban Kiểm Soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2018 và thống nhất xác nhận kết quả:

Bảng cân đối kế toán

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1,370,442,725,721	1,284,714,750,601
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	199,874,449,059	547,111,043,333
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	597,000,000,000	272,000,000,000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	169,448,699,381	138,451,917,846
IV.	Hàng tồn kho	340,342,824,746	285,872,390,172
V.	Tài sản ngắn hạn khác	63,776,752,535	41,279,399,250
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	843,047,799,743	867,959,153,781
I.	Các khoản phải thu dài hạn	254,229,013,386	254,938,754,237
II.	Tài sản cố định	203,860,934,601	233,142,906,635
III.	Bất động sản đầu tư	32,243,749,055	32,243,749,055
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	54,724,736,168	47,611,362,625
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	272,533,067,928	272,848,120,431
VI.	Tài sản dài hạn khác	25,456,298,605	27,174,260,798
	TỔNG TÀI SẢN	2,213,490,525,464	2,152,673,904,382
C	NỢ PHẢI TRẢ	674,693,337,473	607,474,322,591
I.	Nợ ngắn hạn	673,937,673,473	590,150,949,292
II.	Nợ dài hạn	755,664,000	17,323,373,299
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,538,797,187,991	1,545,199,581,791
I.	Vốn chủ sở hữu	1,538,797,187,991	1,545,199,581,791
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,213,490,525,464	2,152,673,904,382

Báo cáo kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,659,307,532,786	2,369,403,920,880
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	404,905,009	9,019,797
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,658,902,627,777	2,369,394,901,083
4.	Giá vốn hàng bán	1,447,012,258,220	1,312,176,493,813
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,211,890,369,557	1,057,218,407,270
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	137,725,460,927	135,884,954,914
7.	Chi phí tài chính	13,868,320,789	(4,211,633,946)
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	827,940,153	1,866,585,990
8.	Chi phí bán hàng	694,320,171,299	583,194,624,899
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	260,774,012,815	269,229,424,084
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	380,653,325,581	344,890,947,147
11.	Thu nhập khác	28,459,177,641	10,298,081,578
12.	Chi phí khác	562,513,133	1,727,060,199
13.	Lợi nhuận khác	27,896,664,508	8,571,021,379
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	408,549,990,089	353,461,968,526
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	66,891,462,991	55,929,500,710
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	544,956,068	4,330,427,798
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	341,113,571,030	293,202,040,018
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,272	1,979
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2,272	1,979

Báo cáo tài chính do Ban Tổng Giám Đốc lập (được kiểm toán bởi Đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam) đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2018 và tình hình tài chính của SASCO tại ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán.

Phân tích, đánh giá

Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu thuần	2.825.087	3.024.202	107%
Doanh thu SXKD thuần	2.658.903	2.858.711	108%
Lợi nhuận trước thuế	408.550	424.990	104%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.272	2.399	106%

Chỉ số tài chính cơ bản

Chỉ số tài chính	2018	2017
Tỷ số thanh toán hiện hành	2,03	2,18
Tỷ số thanh toán nhanh	1,53	1,69
Tỷ số nợ	0,30	0,28
% sinh lợi trên DT thuần	12,8%	12,4%
% sinh lợi trên tài sản	15,4%	13,6%
% sinh lợi trên vốn góp CSH	25,6%	22,0%

Cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng, liên tục của ngành hàng không nói chung và sự phát triển của ngành dịch vụ phi hàng không nói riêng, tạo ra các cơ hội, thuận lợi gia tăng lợi nhuận cũng như khó khăn trong thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, SASCO đã không ngừng nỗ lực phát triển kinh doanh, gia tăng lợi nhuận thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm, mở rộng thị trường, tái cơ cấu hoạt động kinh doanh và kiểm soát chi phí đầu vào. Năm 2018, SASCO đã tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua các chương trình hành động cụ thể đã được Ban điều hành SASCO triển khai thực hiện.

Tỷ số thanh toán giảm nhẹ và tỷ số nợ tăng nhẹ so với năm 2017 do việc mở rộng, phát triển kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, các tỷ số này đều đạt trên mức chuẩn tốt cho phép. Bên cạnh đó, các tỷ suất sinh lợi tăng khá qua các năm cho thấy Công ty tăng trưởng tốt và bảo toàn vốn. SASCO tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu trong việc cung

cấp dịch vụ phi hàng không tại Cảng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Kế hoạch hoạt động BKS năm 2019

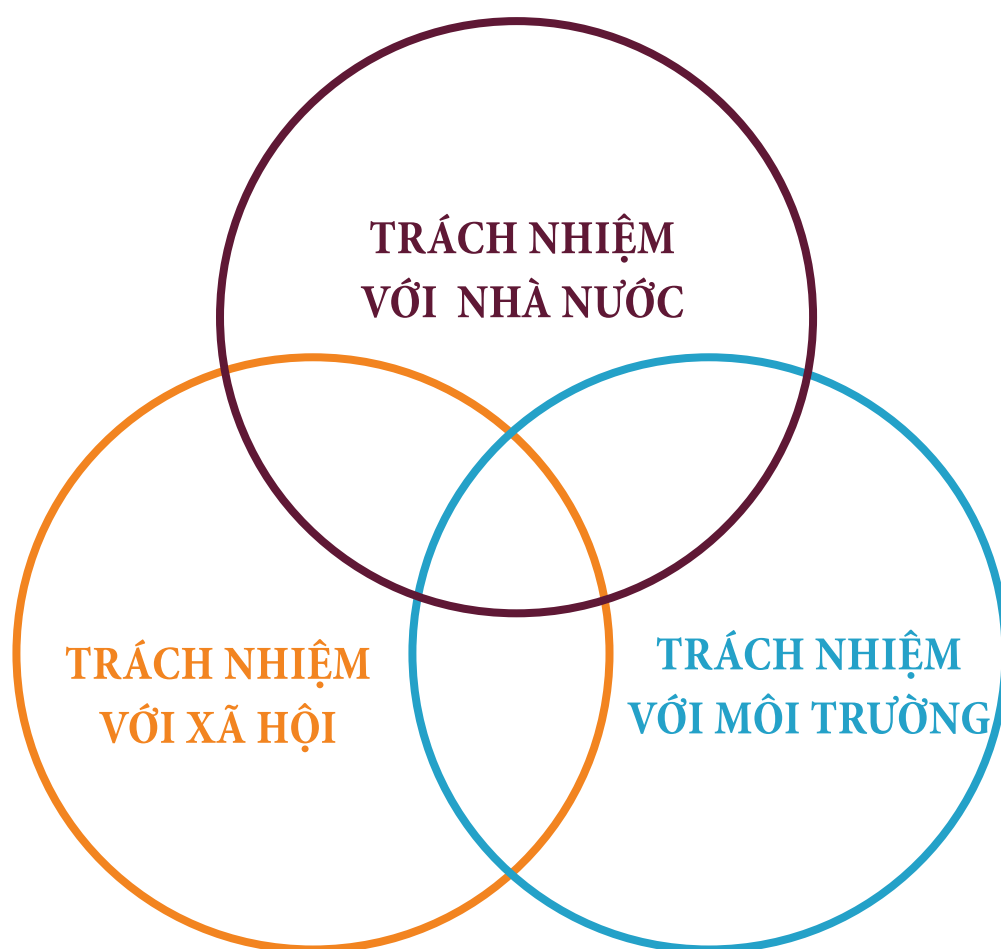
Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra thường xuyên hoạt động của SASCO cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa Ban Kiểm Soát, với Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và các Phòng liên quan nhằm đảm bảo việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2019 chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Thực hiện trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát.
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2019.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm.
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý vốn của chủ sở hữu và phần vốn của SASCO đầu tư vào Doanh nghiệp khác.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm Soát.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Báo cáo phát triển bền vững

Trong suốt chặng đường phát triển hơn 25 năm qua, triết lý kinh doanh “quá trình phát triển doanh nghiệp đi đôi với trách nhiệm cộng đồng và xã hội” đã được các thể hệ lãnh đạo, nhân viên SASCO gìn giữ và phát triển như một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp.

Hàng năm SASCO đã ghi lại dấu ấn các hoạt động vì cộng đồng ở khắp mọi miền đất nước, thể hiện nghĩa cử cao đẹp và trách nhiệm chung tay xây dựng mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội văn minh.



Chiến lược phát triển bền vững

Trong chiến lược phát triển, SASCO kiên định tiêu mục tiêu bền vững, thực hiện duy trì tăng trưởng kinh doanh đi đôi với phát triển con người, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường; SASCO thực hiện cạnh tranh lành mạnh qua đó thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển không chỉ cho hôm nay mà quan trọng là hướng đến sự bền vững, tốt đẹp cho các thế hệ tương lai. Những năm qua, SASCO triển khai mạnh mẽ hoạt động phát triển kinh doanh trên nền tảng chất lượng, sáng tạo, đa dạng dịch vụ hướng đến đáp ứng cao nhất sự hài lòng của hành khách đồng thời góp phần tăng năng lực cạnh tranh của sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất trong khu vực.

25 năm xây dựng, Công ty gạt hái trái ngọt từ chiến lược nhân sự phát triển bền vững. SASCO tạo ra “trải nghiệm nhân viên” tốt từ đó mang đến “trải nghiệm khách hàng” tốt – một “hành trình hạnh phúc” thực thụ bắt đầu từ bản thân những người làm dịch vụ, trước khi lan tỏa tới khách hàng.

Trong 25 năm qua, SASCO đã dành hơn 31 tỷ đồng để hỗ trợ cộng đồng: chương trình Ươm mầm tài năng khích lệ các em học sinh vượt khó, hỗ trợ đồng bào vùng thiên tai và các chương trình cộng đồng bảo vệ môi trường, tiêu dùng xanh, phát triển bền vững...nhằm nối dài thêm hành trình hạnh phúc mà SASCO chung tay cùng cộng đồng vun đắp cho cuộc sống nhân ái, tốt đẹp hơn.

Về môi trường

Trách nhiệm với môi trường

Trong bối cảnh các vấn đề về môi trường ngày càng diễn biến theo chiều hướng tiêu cực và trở nên nghiêm trọng hơn, bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề nhức nhối hàng đầu và nhận được sự quan tâm to lớn từ các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. SASCO hiểu rằng tác nhân gây ô nhiễm môi trường có thể đến từ chính bản thân doanh nghiệp. Nếu không được xử lý cẩn thận, lượng nước thải, chất thải, khí thải hàng năm xả ra môi trường từ các khu sản xuất và kinh doanh có thể trở thành mối

nguy hại tiềm tàng lâu dài đến đời sống con người cũng như đến chuỗi cung ứng và sự phát triển của bản thân công ty. Bên cạnh đó, việc khai thác bừa bãi tài nguyên thiên nhiên cũng sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng cho chính chúng ta và các thế hệ sau này.

Với sứ mệnh “xanh” hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và thân thiện với môi trường, SASCO đã thực hiện những bước tiến đáng kể trong công tác xử lý nước, chất thải với tinh thần thượng tôn pháp luật, đảm bảo tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.



SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, SASCO hiểu rằng các hoạt động kinh doanh của công ty, tuy không tác động tới môi trường nhiều như các doanh nghiệp trong ngành sản xuất, nhưng vẫn tạo ra những ảnh hưởng nhất định tới môi trường xung quanh. Vì vậy, chúng tôi luôn chú trọng nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ công nhân viên về vấn đề chống lãng phí, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nguyên vật liệu, từ đó góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường.

Trong thời gian qua, SASCO liên tục tìm kiếm các giải pháp mới, “xanh” hơn để quản lý hiệu quả nguyên vật liệu, giảm thiểu lượng giấy và nylon sử dụng, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và tính thẩm mỹ dành cho khách hàng.

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Hiểu rõ tầm quan trọng cũng như trân trọng giá trị của tài nguyên, chúng tôi đã liên tục triển khai các biện pháp, sáng kiến và phong trào để khuyến khích CBNV sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên góp phần bảo vệ môi trường.

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

Trong những năm gần đây, SASCO luôn cố gắng việc giảm thiểu lượng nước thải và nâng cấp công nghệ xử lý nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường từ các cơ sở sản xuất và kinh doanh của Công ty. Theo đó, tất cả lượng nước thải đều được xử lý sơ bộ để đạt chất lượng trước khi đưa ra ngoài, đảm bảo không gây hại cho môi trường.

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

SASCO luôn giám sát chặt chẽ các tác động từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đối với thiên nhiên, môi trường sống, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật. Chúng tôi tự hào không để xảy ra bất cứ sự cố hay trường hợp vi phạm luật pháp và/hoặc quy định về môi trường nào trong nhiều năm liên tục. Không những vậy, tại SASCO chúng tôi luôn ưu tiên áp dụng các sáng kiến “xanh” như tạo dựng không gian xanh nơi làm việc, nhà điều hành xanh, văn phòng xanh, thực hiện chính sách tiết kiệm tài nguyên trong các dự án đầu tư và kinh doanh thương mại, chú trọng công tác đào tạo để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua nhiều chiến dịch, hoạt động thực tiễn.



Chiến dịch “Be a Greener” được phát động từ năm 2017, công ty đã đưa ra 06 quy định cần thực hiện nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái và tiết kiệm năng lượng tại nơi làm việc.

- Giữ gìn vệ sinh chung nơi làm việc
- Không hút thuốc tại nơi làm việc
- Vứt rác đúng nơi quy định
- Tiết kiệm nước và giấy vệ sinh
- Cài đặt nhiệt độ lạnh hợp lý
- Tắt tất cả thiết bị điện trước khi ra về.

VỀ XÃ HỘI & NGUỒN NHÂN LỰC

“ Tại SASCO, chúng tôi coi nguồn lực con người là tài sản giá trị nhất của công ty. SASCO chú trọng nâng cao “trải nghiệm nhân viên”, là điểm khởi đầu của “hành trình hạnh phúc”.

Chính sách nhân sự bền vững

Được coi là một trong các mục tiêu chiến lược của SASCO, bình đẳng giới là kim chỉ nam trong các chính sách nhân sự bền vững của Công ty, với sự cam kết một cách rõ ràng và có hệ thống của tất cả các thành viên trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty.

Về vấn đề việc làm trong kỷ nguyên 4.0, Công ty xác định áp dụng máy móc, kỹ thuật số trong quản trị và hỗ trợ sản xuất kinh doanh, nhưng với đặc thù ngành dịch vụ, chú trọng tương tác giữa người với người thì con người là không thể thay thế được.

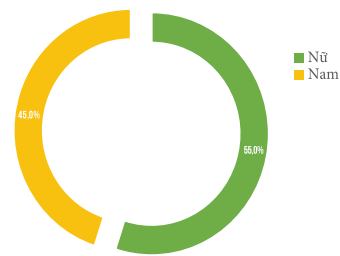


Bình quân tổng số lao động trong năm như sau:

Bộ phận	Số lượng (người)
Khối cơ quan	100
Phòng kinh doanh miễn thuế	275
Phòng KD Phòng khách	41
Trung tâm thương mại	603
Các chi nhánh	108
Tổng cộng	1.127



Cơ cấu lao động theo giới tính



Điều kiện làm việc

Thay cho lời khẳng định về những nỗ lực của SASCO trong việc phát triển nguồn nhân sự bền vững, SASCO đã vinh dự có mặt trong danh sách TOP 50 doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn. Kết quả này thể hiện rõ định hướng phát triển của SASCO: “Trở thành doanh nghiệp có môi trường làm việc lý tưởng giúp nhân viên phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.” Đây cũng là tiền đề để Công ty thu hút thêm những nhân tài đồng thời gắn kết những nhân sự chủ chốt, hướng đến hợp tác lâu dài, đem lại lợi ích cho cả Công ty và người lao động.

Giải thưởng Nơi làm việc tốt nhất Châu Á do HR Asia vinh danh.

SASCO được cấp chứng chỉ EGDE MOVE do EDGE Certified Foundation (Thụy Sĩ) trao tặng. Theo đó, SASCO chính thức trở thành đơn vị đầu tiên tại Việt Nam vinh dự được cấp chứng chỉ Bình đẳng giới EDGE cấp độ 2 theo tiêu chuẩn toàn cầu, khẳng định những nỗ lực phát triển nguồn năng lực bền vững thông qua việc thúc đẩy quyền năng kinh tế của phụ nữ tại doanh nghiệp.

Kết quả này thể hiện rõ định hướng phát triển của SASCO: “Trở thành doanh nghiệp có môi trường làm việc lý tưởng giúp nhân viên phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.” Đây cũng là tiền đề để Công ty thu hút thêm những nhân tài đồng thời gắn kết những nhân sự chủ chốt, hướng đến hợp tác lâu dài, đem lại lợi ích cho cả Công ty và người lao động.



VIỆC LÀM

Không chỉ dừng lại ở việc xây dựng các quy trình trong hoạt động sản xuất kinh doanh, SASCO hướng tới chuyển dần các quy trình thành hướng dẫn theo hướng cởi mở hơn, mang lại giá trị cao hơn khi áp dụng. Các chính sách về lao động & việc làm của SASCO đều hướng tới nâng cao giá trị bản thân của người lao động, phát triển người lao động vì lợi ích của chính bản thân họ, đồng thời đảm bảo việc làm ổn định, thu nhập tăng đều và gắn với năng lực.

Phúc lợi cho nhân viên toàn thời gian

SASCO luôn nỗ lực đem tới môi trường làm việc chuyên nghiệp và lành mạnh cho người lao động. Ngoài chính sách lương thưởng hấp dẫn, người lao động SASCO còn được hưởng các chính sách phúc lợi khác cạnh tranh với thị trường như Bảo hiểm sức khỏe hàng năm, Trợ cấp hưu trí, Quyền sở hữu cổ phiếu và Chế độ nghỉ thai sản.

Chăm sóc sức khỏe

SASCO tiếp tục thể hiện sự quan tâm tới sức khỏe của người lao động thông qua việc đảm bảo 100% cán bộ nhân viên tại SASCO được mua bảo hiểm y tế và khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Riêng những cán bộ nhân viên trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm như đầu bếp, phụ bếp, tạp vụ, nhân viên pha chế được hưởng chế độ khám sức khỏe 2 lần/năm.



GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Với mục tiêu hỗ trợ người lao động nâng cao và phát huy tối đa giá trị bản thân, SASCO chú trọng triển khai thường xuyên và hiệu quả các hoạt động đào tạo, hướng đến tất cả các cấp trong công ty. Kế hoạch đào tạo tại SASCO được xây dựng một cách khoa học, hiệu quả trên cơ sở đòi hỏi thiết thực từ thực tế hoạt động kinh doanh và phát triển năng lực cá nhân cán bộ công nhân viên.

Trong năm, tổng số giờ đào tạo của SASCO là 25.549 giờ. Trung bình, mỗi nhân viên của SASCO được đào tạo 22,73 giờ/người/năm. Cán bộ Quản lý SASCO có số giờ đào tạo trung bình 28,46 giờ/người/năm. Điều này thể hiện rõ những nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo SASCO trong việc không ngừng học hỏi, trau dồi, nâng cao kiến thức để tiếp tục đưa SASCO vững bước trên Hành trình hạnh phúc.

Quy trình đào tạo tại SASCO là sự kết hợp giữa đào tạo nội bộ và cử nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài. Tổng số khóa đào tạo trong năm 2018 là 205 khóa, trong đó đào tạo nội bộ 74 khóa, đào tạo bên ngoài 131 khóa. Tổng số lượt đào tạo trong năm là 5.054 lượt, trong đó đào tạo nội bộ 1.061 lượt, đào tạo bên ngoài 3.993 lượt.



Trách nhiệm với xã hội, cộng đồng

Trong chiến lược phát triển, SASCO kiên định tiêu mục tiêu bền vững, thực hiện duy trì tăng trưởng kinh doanh đi đôi với phát triển con người, trách nhiệm xã hội. SASCO thực hiện cạnh tranh lành mạnh qua đó thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển không chỉ cho hôm nay mà quan trọng là hướng đến sự bền vững, tốt đẹp cho các thế hệ tương lai.



Đối với khách hàng, đối tác

Hợp tác chân thành với tôn chỉ uy tín đặt lên làm đầu và luôn quan tâm đến lợi ích của Khách Hàng, đối tác. Thực hiện phương châm hợp tác “ cùng thành công” để có sự gắn bó lâu bền và cùng phát triển. Thực hiện các hoạt động tiếp thị và phát triển sản phẩm, dịch vụ hiện tại để ngày càng nâng cao chất lượng hướng đến mang lại giá trị tốt hơn cho khách hàng.



Đối với Cổ đông, Nhà đầu tư

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tối đa hóa giá trị Công ty, nâng cao lợi ích của Cổ đông. Chủ động minh bạch thông tin về tình hình hoạt động Công ty, báo cáo tài chính trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trang mạng và các ấn phẩm công ty.

Đối với cộng đồng

Các hoạt động cộng đồng của SASCO đã và đang tạo ra, lan tỏa những tác động tích cực trong xã hội. Các chương trình xã hội giàu tính nhân văn như trao học bổng Ươm những mầm xanh cho học sinh xuất sắc, tặng máy vi tính nâng cao công tác giảng dạy cho nhiều trường THCS tại các tỉnh miền Trung; cùng các Cảng hàng không địa phương thăm hỏi, chăm lo các gia đình chính sách, tặng hàng trăm chiếc áo ấm cho trẻ em vùng cao như nối dài thêm hành trình nhân ái của CBCNV người lao động SASCO.

Trách nhiệm phát triển kinh tế và đóng góp Ngân sách Nhà Nước

Đối với nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế, SASCO đã khẳng định trách nhiệm bằng những đóng góp tích cực cho Ngân sách Nhà nước hàng năm. Với quy mô hoạt động kinh doanh luôn được mở rộng thêm các sản phẩm thương mại và dịch vụ, tốc độ tăng trưởng tốt về doanh số và lợi nhuận, SASCO luôn nằm trong nhóm những tổ chức kinh tế nộp thuế tích cực cho Ngân sách Nhà nước.

Là đơn vị cung cấp dịch vụ thương mại phi hàng không hàng đầu tại Việt Nam, SASCO luôn ghi nhớ giữ gìn hình ảnh và nét đẹp văn hóa, góp phần xây dựng hình ảnh một sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất phát triển năng động nhất Việt Nam trong con mắt bạn bè quốc tế.

Trong năm, SASCO tiếp tục duy trì phát triển các sản phẩm thương mại dịch vụ truyền thống, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng mà còn là động lực phát triển của địa phương. SASCO luôn nhìn nhận, sứ mệnh của mình không chỉ là cam kết nhân rộng sự phục vụ tận tình, chu đáo đến khách hàng ở trong và ngoài nước, mà còn mong muốn đem lại công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động, góp phần ổn định cuộc sống và an sinh xã hội. SASCO cùng với các bên liên quan của mình tiếp tục hợp tác trên con đường cùng chung tay phát triển và tạo ra giá trị bền vững cho xã hội.

Tổng hợp nộp Ngân sách Nhà Nước qua các năm

Năm	Nộp ngân sách Nhà Nước
2012	70.700 triệu đồng
2013	83.480 triệu đồng
2014	67.411 triệu đồng
2015	109.747 triệu đồng
2016	91.027 triệu đồng
2017	107.410 triệu đồng
2018	97.927 triệu đồng

Báo cáo tài chính kiểm toán

Số liệu tài chính tóm tắt	Năm 2017	Năm 2018
Tổng doanh thu	2.515.578	2.825.087
Doanh thu thuần	2.369.395	2.658.903
Lợi nhuận gộp	1.057.218	1.211.890
Lợi nhuận sau thuế	293.202	341.114
EPS (VND)	1.979	2.272
Tổng tài sản	2.152.674	2.213.491
Tổng nợ	607.474	674.693
Vốn chủ sở hữu	1.545.200	1.538.797

Đơn vị: Tỷ đồng

+12%
Doanh thu tăng trưởng

+16%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh Nguyệt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên
Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Quốc Hoàng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Chu Khánh Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là Bà Tôn Nữ Diệu Trí.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Hạnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

Số: 346 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả việc điều chỉnh hồi tố một số số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Biên bản thanh tra theo Quyết định số 98/QĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Thanh tra Bộ Tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 05 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vòng Mỹ Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3460-2015-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.370.442.725.721	1.284.714.750.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	199.874.449.059	547.111.043.333
1. Tiền	111		140.874.449.059	265.111.043.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.000.000.000	282.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	597.000.000.000	272.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.644.000.000	28.644.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(28.644.000.000)	(28.644.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		597.000.000.000	272.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.448.699.381	138.451.917.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	91.245.825.883	90.782.046.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	33.190.289.809	9.301.102.025
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	112.921.877.586	97.643.116.934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(67.909.293.897)	(59.274.347.720)
IV. Hàng tồn kho	140	10	340.342.824.746	285.872.390.172
1. Hàng tồn kho	141		340.342.824.746	285.872.390.172
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.776.752.535	41.279.399.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	5.435.964.988	7.416.693.084
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.472.053.584	32.515.648.003
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.868.733.963	1.347.058.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		843.047.799.743	867.959.153.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		254.229.013.386	254.938.754.237
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	499.124.645.951	505.903.337.393
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(244.895.632.565)	(250.964.583.156)
II. Tài sản cố định	220		203.860.934.601	233.142.906.635
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	177.122.394.352	175.984.586.419
- Nguyên giá	222		519.347.271.161	512.824.797.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(342.224.876.809)	(336.840.210.920)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	30.276.026.938
- Nguyên giá	225		-	33.978.716.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.702.689.792)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	26.738.540.249	26.882.293.278
- Nguyên giá	228		36.001.415.084	34.891.716.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.262.874.835)	(8.009.423.306)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	32.243.749.055	32.243.749.055
- Nguyên giá	231		37.252.913.794	37.252.913.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	54.724.736.168	47.611.362.625
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54.724.736.168	47.611.362.625
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	272.533.067.928	272.848.120.431
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		178.277.281.987	178.277.281.987
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.046.251.500	110.046.251.500
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.790.465.559)	(15.475.413.056)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.456.298.605	27.174.260.798
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	18.823.436.982	19.996.443.107
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	6.632.861.623	7.177.817.691
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			2.213.490.525.464	2.152.673.904.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		674.693.337.473	607.474.322.591
I. Nợ ngắn hạn	310		673.937.673.473	590.150.949.292
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	443.186.158.371	383.228.683.377
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.413.009.695	3.942.877.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	8.639.853.485	25.324.073.386
4. Phải trả người lao động	314	19	79.901.824.737	57.688.780.627
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		31.004.273	295.647.306
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.204.792.724	2.628.485.379
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	20.143.789.429	12.426.074.490
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	59.125.252.952	63.323.975.135
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	58.291.987.807	41.292.351.867
II. Nợ dài hạn	330		755.664.000	17.323.373.299
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	755.664.000	257.724.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	-	17.065.649.299
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.538.797.187.991	1.545.199.581.791
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.538.797.187.991	1.545.199.581.791
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.862.620.000	3.862.620.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		582.661.723	582.661.723
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			199.538.806.268	205.941.200.068
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.732.776.052	24.763.337.636
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		196.806.030.216	181.177.862.432
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.213.490.525.464	2.152.673.904.382

Uuan

meubn



Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.659.307.532.786	2.369.403.920.880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	404.905.009	9.019.797
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.658.902.627.777	2.369.394.901.083
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.447.012.258.220	1.312.176.493.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.211.890.369.557	1.057.218.407.270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	137.725.460.927	135.884.954.914
7. Chi phí tài chính	22	29	13.868.320.789	(4.211.633.946)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		827.940.153	1.866.585.990
8. Chi phí bán hàng	25	30	694.320.171.299	583.194.624.899
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	260.774.012.815	269.229.424.084
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		380.653.325.581	344.890.947.147
11. Thu nhập khác	31	32	28.459.177.641	10.298.081.578
12. Chi phí khác	32		562.513.133	1.727.060.199
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		27.896.664.508	8.571.021.379
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		408.549.990.089	353.461.968.526
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	66.891.462.991	55.929.500.710
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	544.956.068	4.330.427.798
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		341.113.571.030	293.202.040.018
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.272	1.979


 Nguyễn Thị Thu
 Người lập biểu


 Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng




 Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	408.549.990.089	353.461.968.526
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	50.075.723.431	50.050.716.729
Các khoản dự phòng	03	2.881.048.089	28.454.461.454
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.622.725.601	(4.068.923.140)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(134.083.053.218)	(88.929.060.633)
Chi phí lãi vay	06	827.940.153	1.866.585.990
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	333.874.374.145	340.835.748.926
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09 10	(39.131.663.476) (54.471.948.210)	(3.825.417.791) 7.737.258.275
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	62.662.672.196	47.078.867.452
Giảm chi phí trả trước	12	8.869.526.543	16.707.035.696
Tiền lãi vay đã trả	14	(941.499.178)	(1.745.613.162)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(58.389.702.497)	(68.099.354.822)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.839.689.690)	(18.819.236.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	231.632.069.833	319.869.287.850
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(56.891.650.183)	(27.307.576.660)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.202.954.562	4.809.800
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(525.000.000.000)	(325.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000.000	125.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(10.000.550.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	149.125.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	127.305.292.633	84.681.659.697
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(248.383.402.988)	(3.496.657.163)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	23.675.720.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	118.767.455.142	239.150.337.627
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(119.004.490.003)	(296.613.352.859)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(20.594.464.399)	(2.803.211.625)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(309.287.154.800)	(222.399.521.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(330.118.654.060)	(258.990.028.057)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(346.869.987.215)	57.382.602.630
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	547.111.043.333	489.855.566.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(366.607.059)	(127.125.668)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	199.874.449.059	547.111.043.333

uuuu

Nguyễn Thị Thu
 Người lập biểu

muubz

Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng



[Signature]
 Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất theo Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301123125 (số cũ 4106000177), đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Tên giao dịch Quốc tế: Southern Airports Services Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SASCO.

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán "SAS".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.124 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.216 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động kinh doanh chính trong các lĩnh vực sau:

Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất; Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác, chế biến bùn khoáng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Chi nhánh, Công ty liên doanh liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 Đường Nguyễn Trung Trực, Khu khối 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Khánh Hòa	Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Các đơn vị thuộc Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh dịch vụ phòng chờ	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội, Việt Nam

Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	38,03	38,03	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Tỉnh Kiên Giang	50,00	50,00	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	Berlin, Đức	29,00	29,00	Kinh doanh nhà hàng, quán bar, dịch vụ nhà khách, phòng họp; Trưng bày và trực tiếp bán buôn, bán lẻ các mặt hàng Việt Nam, xuất nhập khẩu, môi giới xuất nhập khẩu; Xúc tiến thương mại và đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	TP. Hồ Chí Minh	24,00	24,00	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	TP. Hồ Chí Minh	20,00	20,00	Dịch vụ, thương mại



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.



Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ giá xuất của hàng hóa miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được hình thành từ các công trình xây dựng do các nhà thầu xây dựng thực hiện được xác định bao gồm: giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	5
Khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất trong vòng từ 33 năm đến 45 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong vòng 05 năm.



Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp trong kỳ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	21.610.755.882	17.076.833.872
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.482.643.876	246.678.179.091
Tiền đang chuyển (i)	1.781.049.301	1.356.030.370
Các khoản tương đương tiền (ii)	59.000.000.000	282.000.000.000
	<u>199.874.449.059</u>	<u>547.111.043.333</u>

(i) Tiền đang chuyển là tiền thu từ thẻ tín dụng của khách hàng.

(ii) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất cố định từ 4,6%/năm đến 5,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác của Công ty:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh						
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	597.000.000.000	597.000.000.000	-	272.000.000.000	272.000.000.000	-
	625.644.000.000	597.000.000.000	(28.644.000.000)	300.644.000.000	272.000.000.000	(28.644.000.000)
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.277.281.987	-	(14.900.289.718)	178.277.281.987	-	(14.900.289.718)
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất (ii)	149.376.730.000	-	-	149.376.730.000	-	-
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) (iii)	14.900.289.718	-	(14.900.289.718)	14.900.289.718	-	(14.900.289.718)
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco (iv)	10.800.262.269	-	-	10.800.262.269	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh (v)	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh (vi)	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	110.046.251.500	-	(890.175.841)	110.046.251.500	-	(575.123.338)
Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền (vii)	44.732.290.000	-	-	44.732.290.000	-	-
Công ty Cổ phần Suất ăN Hàng không Sân bay Nội Bài (viii)	21.811.000.000	66.963.720.000	-	21.811.000.000	90.005.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (vii)	15.464.785.500	-	-	15.464.785.500	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (vii)	11.542.176.000	-	-	11.542.176.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (viii)	8.696.000.000	9.908.976.000	-	8.696.000.000	11.642.400.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp (vii)	4.930.000.000	-	-	4.930.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Phú Quốc (vii)	2.800.000.000	-	(890.175.841)	2.800.000.000	-	(575.123.338)
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm (vii)	70.000.000	-	-	70.000.000	-	-
	288.323.533.487		(15.790.465.559)	288.323.533.487		(15.475.413.056)

(i) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất cố định từ 5,1%/năm đến 7,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5,3%/năm đến 6,5%/năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395 thay đổi lần thứ 12 ngày 24 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 đồng, tương đương 38,03% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) 29% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5602000027 thay đổi lần 03 ngày 12 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 đồng, tương đương 50% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh.

Giá trị hợp lý

(vii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

(viii) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu bên thứ ba		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP		
Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	20.869.573.441	20.805.568.843
Priority Pass (A.P) Ltd.	14.808.794.894	10.623.391.481
Các khoản phải thu khách hàng khác	46.920.400.126	41.487.250.974
b. Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 37)	8.647.057.422	17.865.835.309
	91.245.825.883	90.782.046.607

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND
a. Trả trước cho bên thứ ba	33.180.307.309	9.240.602.025
Công ty TNHH Phát Triển Thành Phố	1.542.881.011	1.542.881.011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại		
GHT Việt Nam	3.575.000.000	1.565.909.090
Công ty TNHH QVT	19.475.252.640	-
Công ty Cổ phần CN Đại Thủy	3.575.000.000	1.565.909.090
Các nhà cung cấp khác	5.012.173.658	4.565.902.834
b. Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 37)	9.982.500	60.500.000
	33.190.289.809	9.301.102.025

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	46.769.062.728	47.430.886.468
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - chi hệ tiền thuê đất	14.637.135.091	12.096.278.815
Lãi dự thu của các ngân hàng	13.204.073.894	8.279.936.528
Ký quỹ	1.117.206.753	1.021.459.240
Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận - thu hồi vốn và lãi bán nền nhà	1.733.428.375	1.733.428.375
Tạm ứng	165.918.850	461.365.580
Phải thu khác	<u>35.295.051.895</u>	<u>26.619.761.928</u>
	<u>112.921.877.586</u>	<u>97.643.116.934</u>

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 37)

61.695.383.858

62.727.108.459

b. Dài hạn

Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	244.895.632.565	250.964.583.156
Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc (i)	162.389.278.838	162.389.278.838
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) (ii)	30.040.240.000	30.040.240.000
Ký quỹ	26.926.608.265	26.107.414.605
Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận (iii)	16.978.636.950	16.978.636.950
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	13.000.000.000
Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Sasco - Nha Trang	4.884.249.333	4.884.249.333
Các khoản phải thu dài hạn khác	<u>10.000.000</u>	<u>1.538.934.511</u>
	<u>499.124.645.951</u>	<u>505.903.337.393</u>

Trong đó:

Phải thu dài hạn bên liên quan (Thuyết minh 37)

244.895.632.565

250.964.583.156

- (i) Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc là khoản bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại Khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bầu tại Ấp 04, Xã Cửa Cạn, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.
- (ii) Phải thu dài hạn từ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) là khoản vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng.
- (iii) Phải thu dài hạn từ Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận là khoản vốn góp hợp tác kinh doanh.

9. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		(Trình bày lại)	
	Giá gốc	Trích lập dự phòng	Giá gốc	Trích lập dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.				
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	296.427.571.462	296.427.571.462	303.224.174.059	303.224.174.059
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	14.926.321.130	8.955.792.685	15.296.221.991	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền bán hàng	11.749.974.178	7.109.704.025	16.950.933.573	6.702.898.526
Trả trước cho người bán	311.858.290	311.858.290	432.649.262	311.858.291
	323.415.725.060	312.804.926.462	335.903.978.885	310.238.930.876

Trong đó

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	67.909.293.897	59.274.347.720
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	244.895.632.565	250.964.583.156

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.683.751.099	3.848.671.569
Công cụ, dụng cụ	3.213.496.389	974.259.309
Thành phẩm	556.337.622	1.178.304.383
Hàng hoá	329.821.586.563	279.836.683.890
Hàng gửi bán	67.653.073	34.471.021
	340.342.824.746	285.872.390.172

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mặt bằng	12.250.000	4.140.363.640
Chi phí bảo hiểm	333.630.443	390.382.328
Chi phí công cụ dụng cụ	1.736.736.155	917.856.474
Các khoản khác	3.353.348.390	1.968.090.642
	5.435.964.988	7.416.693.084
b. Dài hạn		
Tiền thuê mặt bằng, nhà kho, nhà xưởng	9.713.812.444	9.951.217.228
Chi phí công cụ dụng cụ	7.200.271.027	8.145.353.300
Chi phí sửa chữa lớn	46.034.027	707.254.366
Các khoản khác	1.863.319.484	1.192.618.213
	18.823.436.982	19.996.443.107

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	152.150.900.182	32.563.336.716	6.283.003.604	290.085.140.188	31.742.416.649	512.824.797.339
Tăng trong năm	70.100.000	1.059.990.500	1.078.220.000	2.446.660.000	-	4.654.970.500
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.017.734.384	2.090.960.128	-	-	269.719.228	19.378.413.740
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	-	33.978.716.730	-	33.978.716.730
Thanh lý, nhượng bán	-	(480.909.240)	(864.029.518)	(43.172.760.553)	(6.437.224.200)	(50.954.923.511)
Giảm khác	(534.703.637)	-	-	-	-	(534.703.637)
Số dư cuối năm	168.704.030.929	35.233.378.104	6.497.194.086	283.337.756.365	25.574.911.677	519.347.271.161
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	59.025.933.261	24.878.784.582	4.589.279.577	219.668.562.653	28.677.650.847	336.840.210.920
Khấu hao trong năm	16.253.282.110	2.103.924.280	741.760.728	25.604.566.516	1.713.406.281	46.416.939.915
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	-	6.108.021.779	-	6.108.021.779
Thanh lý, nhượng bán	-	(480.909.240)	(833.640.178)	(38.902.283.399)	(6.437.224.200)	(46.654.057.017)
Giảm khác	(486.238.788)	-	-	-	-	(486.238.788)
Số dư cuối năm	74.792.976.583	26.501.799.622	4.497.400.127	212.478.867.549	23.953.832.928	342.224.876.809
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	93.124.966.921	7.684.552.134	1.693.724.027	70.416.577.535	3.064.765.802	175.984.586.419
Tại ngày cuối năm	93.911.054.346	8.731.578.482	1.999.793.959	70.858.888.816	1.621.078.749	177.122.394.352

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 134.453.662.747 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 154.686.110.230 đồng).



13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	30.944.738.761	100.555.555	3.846.422.268	34.891.716.584
Tăng trong năm	-	-	1.109.698.500	1.109.698.500
Số dư cuối năm	30.944.738.761	100.555.555	4.956.120.768	36.001.415.084
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	5.746.722.517	100.555.555	2.162.145.234	8.009.423.306
Khấu hao trong năm	629.145.755	-	624.305.774	1.253.451.529
Số dư cuối năm	6.375.868.272	100.555.555	2.786.451.008	9.262.874.835
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	25.198.016.244	-	1.684.277.034	26.882.293.278
Tại ngày cuối năm	24.568.870.489	-	2.169.669.760	26.738.540.249

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.831.350.038 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.831.350.038 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	37.252.913.794
GIÁ TRỊ HAO MÒN ĐÃ TRÍCH (*)	
Số dư đầu năm và cuối năm	5.009.164.739
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm và cuối năm	32.243.749.055

(*) Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và dừng trích hao mòn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp. Để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, Công ty đã thuê Công ty thẩm định giá để tiến hành xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Báo cáo tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hàng hóa miễn thuế VND	Hàng hóa TTTM và các chi nhánh khác VND	Phòng chờ VND	Cá
Tại ngày 31/12/2018				
Tài sản bộ phận				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	309.384.845.693	62.951.083.434	87.878.101.300	
Tài sản phân bổ cho bộ phận	18.149.121.414	4.819.743.789	5.701.516.204	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	
Tổng Tài sản	327.533.967.107	67.770.827.223	93.579.617.504	50
Nợ phải trả bộ phận				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	106.895.385.439	24.941.391.334	15.379.413.911	
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	10.149.121.414	4.819.743.789	5.701.516.204	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	
Tổng Nợ phải trả	117.044.506.853	29.761.135.123	26.080.930.115	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Khu đất 10.316 m ² tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.000 m ² và 1.000 m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
Khu đất 9.973 m ² tại Ấp Rạch Chiếc, Xã Hàm Ninh, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m ² tại Đường Nguyễn Chí Thành, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
	37.252.913.794	5.009.164.739	32.243.749.055

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)	27.337.545.444	25.997.851.354
Dự án khách sạn Sasco Nha Trang	11.398.430.499	10.056.490.141
Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa	7.278.293.746	4.140.957.520
Các khoản khác	8.710.466.479	7.416.063.610
	54.724.736.168	47.611.362.625

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị VND	Thuế suất %	Thuế hoãn lại VND	Giá trị VND	Thuế suất %	Thuế hoãn lại VND
Khấu hao bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	4.520.308.115	20	904.061.623	4.520.308.115	20	904.061.623

MẪU SỐ B 09-DN

Lĩnh vực khác VND	Tổng cộng VND
5.608.236.189	955.822.266.616
7.648.226.061	36.318.607.468
-	1.221.349.651.380
256.462.250	2.213.490.525.464

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong gia đình của các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan

Công ty không phát sinh các giao dịch bất thường

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải trả bên thứ ba		
IPP Group (S) Pte., Ltd.	338.026.399.084	288.350.671.815
Các nhà cung cấp khác	52.447.141.457	47.869.673.117
b. Phải trả bên liên quan (thuyết minh 37)	<u>52.712.617.830</u>	<u>47.008.338.445</u>
	<u>443.186.158.371</u>	<u>383.228.683.377</u>

Tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND	<u>Số phải nộp/ thu trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp/ thu trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	1.347.058.163	14.871.651.642	15.393.327.442	1.868.733.963
	<u>1.347.058.163</u>	<u>14.871.651.642</u>	<u>15.393.327.442</u>	<u>1.868.733.963</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.095.025	66.891.462.991	58.389.702.497	8.617.855.519
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	122.664.082	122.664.082	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	249.970.257	249.970.257	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	361.671.376	1.508.487.937	1.851.608.933	18.550.380
Tiền thuê đất	24.843.940.906	12.417.851.162	37.261.792.068	-
Các khoản phải nộp khác	2.366.079	52.676.673	51.595.166	3.447.586
	<u>25.324.073.386</u>	<u>81.243.113.102</u>	<u>97.927.333.003</u>	<u>8.639.853.485</u>

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 14/2018/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 3 năm 2018 với tỷ lệ 24% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao). Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

Số cuối năm **Số đầu năm**

TÂN SƠN NHẤT
(tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

ệ
ộp

quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan khác.

chốt và các cá nhân có liên quan với các

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban
viên quản lý chủ chốt là các thành viên có
n lý chủ chốt.

nhân có liên quan với các thành viên quản

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các

Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh

12500
I NHÃ
ÔNG T

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND			VND		VND
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	59.795.160.035	59.795.160.035	-	59.795.160.035	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	59.558.125.174	-	432.872.222	59.125.252.952	59.125.252.952
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	-	-	59.209.329.968	59.209.329.968	-	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.528.815.100	3.528.815.100	-	3.528.815.100	-	-	-
	63.323.975.135	63.323.975.135	118.767.455.142	122.533.305.103	432.872.222		59.125.252.952
Nợ thuê tài chính dài hạn	17.065.649.299	-	-	17.065.649.299	-	-	-

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng tín dụng số 5964/2018/CTC/HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay theo từng thời điểm nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Số dư gốc còn lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 2.546.307,19 USD và sẽ đáo hạn vào ngày 05 tháng 3 năm 2019.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng	Tổng
	VND	VND	Ban điều hành	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	23.214.087.494	17.087.893.178	990.371.195	41.292.351.867
Trích quỹ bổ sung năm trước	158.416.408	144.014.916	14.401.492	316.832.816
Trích quỹ năm nay	18.761.246.407	17.055.678.552	1.705.567.855	37.522.492.814
Sử dụng quỹ	(5.123.800.000)	(14.425.518.495)	(1.290.371.195)	(20.839.689.690)
Số dư cuối năm	37.009.950.309	19.862.068.151	1.419.969.347	58.291.987.807

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần (Trình bày lại) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.315.000.000.000	-	582.661.723	170.362.112.343	1.485.944.774.066
Tăng vốn trong năm	19.813.100.000	-	-	-	19.813.100.000
Thặng dư vốn cổ phần phát sinh trong năm	-	3.862.620.000	-	-	3.862.620.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	293.202.040.018	293.202.040.018
Trích lập quỹ	-	-	-	(34.988.166.293)	(34.988.166.293)
Chia cổ tức	-	-	-	(222.634.786.000)	(222.634.786.000)
Số dư đầu năm nay	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	205.941.200.068	1.545.199.581.791
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	341.113.571.030	341.113.571.030
Trích lập quỹ	-	-	-	(37.839.325.630)	(37.839.325.630)
Chia cổ tức	-	-	-	(309.676.639.200)	(309.676.639.200)
Số dư cuối năm nay	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	199.538.806.268	1.538.797.187.991

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2018 ngày 27 tháng 3 năm 2018, cổ tức năm 2017 được trích và phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo tỷ lệ chi trả 1.520 đồng/1 cổ phiếu, với số tiền là 202.891.591.200 đồng. Trong năm, cổ tức đã được chi trả cho các cổ đông.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 27-2018/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 8 năm 2018, cổ tức đợt 1 năm 2018 đã được tạm ứng cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo tỷ lệ chi trả 800 đồng/1 cổ phiếu, với số tiền là 106.785.048.000 đồng. Trong năm, cổ tức đã được chi trả cho các cổ đông.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2018 ngày 27 tháng 3 năm 2018, quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã được trích bằng 0,5% lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018 khi Công ty thực hiện đạt kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ thông qua. Theo tờ trình số 082 SASCO-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2018, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tạm trích lần lượt bằng 5,5% và 5% lợi nhuận sau thuế. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh khi Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua tỷ lệ trích các quỹ trên.

Cổ phần:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần phổ thông	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần phổ thông	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần ưu đãi	-	-

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 13.204.073.894 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.279.936.528 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 21.741.017.493 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.461.313.331 đồng), là số tiền ứng trước mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 4 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.334.813.100.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	65.504.200	49,07	655.042.000.000	65.504.200	49,07	655.042.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	33.340.200	24,98	333.402.000.000	33.290.200	24,94	332.902.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	6.575.000	4,93	65.750.000.000	6.575.000	4,93	65.750.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	20.538.400	15,39	205.384.000.000	20.538.400	15,39	205.384.000.000
Các cổ đông khác	7.523.510	5,64	75.235.100.000	7.573.510	5,67	75.735.100.000
	133.481.310	100,00	1.334.813.100.000	133.481.310	100,00	1.334.813.100.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	3.999.082,30	8.465.211,30
- Đồng Euro ("EUR")	134.344,80	52.501,52
- Đô la Úc ("AUD")	21.495,01	16.610,01
- Bạc Thái Lan ("BHT")	54.410,00	33.110,00
- Đô la Canada ("CAD")	3.055,00	4.855,00
- Bảng Anh ("GBP")	3.560,01	3.650,01
- Franc Thụy Sĩ ("CHF")	3.280,00	1.000,00
- Đô la Hồng Kông ("HKD")	8.870,00	11.540,00
- Yên Nhật ("JPY")	3.569.000,00	1.105.000,00
- Đô la Singapore ("SGD")	33.090,00	17.233,00
- Đô la New Zealand ("NZD")	3.590,00	505,00
- Won Hàn Quốc ("KRW")	1.000,00	18.000,00

Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính		Đơn vị tính	
	Cái	Khác	Cái	Khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

**Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Chi tiêu	Mã số	Năm trước	Năm trước	Thay đổi
		(Số liệu đã báo cáo) VND	(Trình bày lại) VND	
Chi phí bán hàng	25	584.376.443.079	583.194.624.899	(1.181.818.180)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	271.647.978.804	269.229.424.084	(2.418.554.720)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	55.209.426.130	55.929.500.710	720.074.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.957	1.979	22

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng	23.279.144	23.279.144
Trả trước cho người bán	10.500.000	10.500.000
Phải thu khác	-	189.419.811
	<u>33.779.144</u>	<u>223.198.955</u>

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	1.328.705.861.339	1.171.138.108.598
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	353.260.653.605	344.826.941.517
Doanh thu hoạt động phòng chờ	417.410.728.948	343.821.035.693
Doanh thu các hoạt động khác	559.930.288.894	509.617.835.072
	<u>2.659.307.532.786</u>	<u>2.369.403.920.880</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại, chiết khấu	404.905.009	9.019.797
	<u>2.658.902.627.777</u>	<u>2.369.394.901.083</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	1.008.900.882.231	886.637.370.032
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	172.027.334.628	176.561.707.088
Giá vốn phòng chờ	89.103.517.019	58.187.600.057
Giá vốn các hoạt động khác	176.980.524.342	190.789.816.636
	<u>1.447.012.258.220</u>	<u>1.312.176.493.813</u>

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	328.733.951.440	306.057.492.673
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	145.585.746.161	80.563.464.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.075.723.431	50.050.716.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.331.578.267	400.150.115.115
Chi phí bằng tiền khác	201.187.210.124	185.404.640.859
	<u>1.158.914.209.423</u>	<u>1.022.226.430.097</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi	36.548.035.768	30.824.083.606
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	5.496.030.928	40.488.715.232
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	4.068.923.140
Cổ tức lợi nhuận được chia	95.681.394.231	58.138.101.436
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.365.131.500
	<u>137.725.460.927</u>	<u>135.884.954.914</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	827.940.153	1.866.585.990
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong năm	7.102.602.532	2.489.587.890
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	5.622.725.601	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá tổn thất đầu tư	315.052.503	(8.687.807.826)
Chi phí tài chính khác	-	120.000.000
	<u>13.868.320.789</u>	<u>(4.211.633.946)</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>(Trình bày lại)</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	133.812.529.876	120.494.700.335
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	3.390.088.799	3.098.780.219
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	15.941.147.493	14.825.820.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.733.186.558	9.539.631.052
Chi phí thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	204.691.376.505	175.113.786.106
Chi phí quản lý thuê điều hành	132.791.941.696	125.294.631.790
Chi phí hợp tác kinh doanh	103.343.952.329	60.800.992.684
Chi phí khác	89.615.948.043	74.026.282.516
	<u>694.320.171.299</u>	<u>583.194.624.899</u>

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>(Trình bày lại)</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	179.038.681.614	161.727.823.093
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.512.579.041	1.691.320.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.430.049.344	8.544.906.047
Thuế, phí, lệ phí	8.327.466.845	8.029.069.838
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	12.916.853.904
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.565.995.586	37.142.269.280
Chi phí bằng tiền khác	59.899.240.385	39.177.181.615
	<u>260.774.012.815</u>	<u>269.229.424.084</u>

32. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	1.853.623.219	-
Thu nhập do thanh lý công cụ dụng cụ	32.882.154	15.253.836
Thu nhập do hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	7.944.782.414	7.083.746.695
Thu nhập do đàm phán lại hợp đồng với đối tác	17.279.118.355	-
Các khoản khác	1.348.771.499	3.199.081.047
	<u>28.459.177.641</u>	<u>10.298.081.578</u>



33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	408.549.990.089	353.461.968.526
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	62.848.497.632	46.532.360.313
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(41.259.778.534)	(62.208.723.853)
Thu nhập chịu thuế	430.138.709.187	337.785.604.986
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	(95.681.394.231)	(58.138.101.436)
Thu nhập tính thuế	334.457.314.956	279.647.503.550
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	66.891.462.991	55.929.500.710

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác nhận số liệu ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp là chưa quyết toán. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định về thuế chịu ảnh hưởng bởi những cách diễn giải khác nhau, số liệu ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp chịu sự thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	341.113.571.030	293.202.040.018
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(37.839.325.630)	(31.935.391.586)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	303.274.245.400	261.266.648.432
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	133.481.310	132.026.540
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.272	1.979

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	228.035.380.437	176.295.604.286

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	216.471.815.588	191.349.883.620
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	861.330.862.351	763.581.352.661
Sau năm năm	945.476.428.364	1.049.628.721.476
	2.023.279.106.302	2.004.559.957.757

36. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: hoạt động bán hàng hóa miễn thuế, bán hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác, kinh doanh phòng chờ và các hoạt động khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Báo cáo kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	<u>Hàng hóa miễn thuế VND</u>	<u>Hàng hóa TTTM và các chi nhánh khác VND</u>	<u>Phòng chờ VND</u>	<u>Các lĩnh vực khác VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.328.705.861.339	353.260.653.605	417.410.728.948	559.930.288.894	2.659.307.532.786
Giảm trừ doanh thu	-	404.905.009	-	-	404.905.009
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.328.705.861.339</u>	<u>352.855.748.596</u>	<u>417.410.728.948</u>	<u>559.930.288.894</u>	<u>2.658.902.627.777</u>
Giá vốn hàng bán	(1.008.900.882.231)	(172.027.334.628)	(89.103.517.019)	(176.980.524.342)	(1.447.012.258.220)
Lợi nhuận gộp	<u>319.804.979.108</u>	<u>180.828.413.968</u>	<u>328.307.211.929</u>	<u>382.949.764.552</u>	<u>1.211.890.369.557</u>
Chi phí bán hàng	(172.647.632.946)	(119.729.973.933)	(140.826.202.267)	(261.116.362.153)	(694.320.171.299)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(13.323.667.528)	(20.244.386.049)	(14.366.756.135)	(18.421.137.463)	(66.355.947.175)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(194.418.065.640)
Doanh thu hoạt động tài chính					137.725.460.927
Chi phí tài chính					(13.868.320.789)
Thu nhập khác					28.459.177.641
Chi phí khác					(562.513.133)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>408.549.990.089</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(66.891.462.991)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(544.956.068)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>341.113.571.030</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Báo cáo kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	<u>Hàng hóa miễn thuế VND</u>	<u>Hàng hóa TTTM và các chi nhánh khác VND</u>	<u>Phòng chờ VND</u>	<u>Các lĩnh vực khác VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.171.138.108.598	344.826.941.517	343.821.035.693	509.617.835.072	2.369.403.920.880
Giảm trừ doanh thu	-	9.019.797	-	-	9.019.797
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.171.138.108.598</u>	<u>344.817.921.720</u>	<u>343.821.035.693</u>	<u>509.617.835.072</u>	<u>2.369.394.901.083</u>
Giá vốn hàng bán	(886.637.370.032)	(176.561.707.088)	(58.187.600.057)	(190.789.816.636)	(1.312.176.493.813)
Lợi nhuận gộp	<u>284.500.738.566</u>	<u>168.256.214.632</u>	<u>285.633.435.636</u>	<u>318.828.018.436</u>	<u>1.057.218.407.270</u>
Chi phí bán hàng	(130.959.995.366)	(91.554.877.829)	(127.123.031.781)	(233.556.719.923)	(583.194.624.899)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(11.227.952.685)	(11.005.637.391)	(15.305.316.505)	(11.803.596.434)	(49.342.503.015)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(219.886.921.069)
Doanh thu hoạt động tài chính					135.884.954.914
Chi phí tài chính					4.211.633.946
Thu nhập khác					10.298.081.578
Chi phí khác					(1.727.060.199)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>353.461.968.526</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(55.929.500.710)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(4.330.427.798)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>293.202.040.018</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Báo cáo tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hàng hóa miễn thuế VND	Hàng hóa TTTM và các chi nhánh khác VND	Phòng chờ VND	Các lĩnh vực khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2018					
Tài sản bộ phận					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	309.384.845.693	62.951.083.434	87.878.101.300	495.608.236.189	955.822.266.616
Tài sản phân bổ cho bộ phận	18.149.121.414	4.819.743.789	5.701.516.204	7.648.226.061	36.318.607.468
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.221.349.651.380
Tổng Tài sản	327.533.967.107	67.770.827.223	93.579.617.504	503.256.462.250	2.213.490.525.464
Nợ phải trả bộ phận					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	406.895.385.428	34.841.391.224	15.973.413.861	70.150.130.931	527.860.321.444
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	39.928.186.197	10.603.467.961	12.543.373.060	16.826.147.519	79.901.174.737
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	66.931.841.292
Tổng Nợ phải trả	446.823.571.625	45.444.859.185	28.516.786.921	86.976.278.450	674.693.337.473
Tại ngày 31/12/2017					
Tài sản bộ phận					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	268.926.857.054	117.906.328.177	69.401.469.916	443.207.099.338	899.441.754.485
Tài sản phân bổ cho bộ phận	19.659.074.354	5.788.216.703	5.771.482.676	8.554.597.308	39.773.371.041
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.213.458.778.856
Tổng Tài sản	288.585.931.408	123.694.544.880	75.172.952.592	451.761.696.646	2.152.673.904.382
Nợ phải trả bộ phận					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	355.332.809.191	26.285.622.561	14.217.243.065	87.989.089.573	483.824.764.390
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	28.247.565.961	8.316.924.295	8.292.879.647	12.291.858.070	57.149.227.973
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	66.500.330.228
Tổng Nợ phải trả	383.580.375.152	34.602.546.856	22.510.122.712	100.280.947.643	607.474.322.591



37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên có quan hệ mật thiết trong gia đình của các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương	3.476.954.547	2.937.454.544
Thù lao	468.000.000	540.000.000
Tiền thưởng	7.005.117.232	6.197.639.862
	10.950.071.779	9.675.094.406

Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Mối quan hệ với các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất
 Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco
 Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh
 Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)
 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh
 Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam
 Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam
 Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam

 Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

 Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội

 Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương
 Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu
 Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh
 Công ty TNHH Autogrill VFS F&B

Mối quan hệ

Cổ đông
 Công ty liên kết
 Công ty liên doanh
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

 Cổ đông
 Cổ đông
 Cổ đông
 Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	3.226.412.045	4.083.485.804
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	2.286.343.147	3.799.749.547
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	1.833.753.019	1.603.820.285
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	1.557.237.377	1.217.261.923
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	252.233.005	310.021.672
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	232.247.172	59.018.151
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	54.054.908	13.679.180
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	183.842.177	182.572.375
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	-	6.904.590.714
	<u>9.626.122.850</u>	<u>18.174.199.651</u>
Mua hàng với các bên liên quan		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	348.195.840.419	293.544.884.113
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	126.808.672.130	135.324.624.252
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	21.174.401.763	20.266.485.282
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	6.752.798.005	5.247.011.328
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	6.627.406.368	2.397.396.368
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	1.583.329.209	1.133.906.524
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	1.559.900.000	1.164.269.720
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	586.559.978	162.671.424
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	320.563.637	267.295.457
	<u>513.609.471.509</u>	<u>459.508.544.468</u>
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	28.381.578.700	13.443.905.700
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	886.817.847	996.945.627
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	276.000.000	252.000.000
	<u>29.544.396.547</u>	<u>14.692.851.327</u>
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	151.969.744.000	110.309.072.800
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	77.349.264.000	54.260.498.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	47.649.088.000	33.014.756.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	15.254.000.000	11.072.300.000
	<u>292.222.096.000</u>	<u>208.656.626.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu của khách hàng		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	4.762.876.169	4.828.704.435
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	2.529.770.450	2.591.614.180
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	662.267.903	813.189.194
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	551.512.900	25.570.800
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	122.210.000	104.879.700
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	18.420.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	-	6.932.860.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	1.530.924.100
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	-	1.038.092.900
	<u>8.647.057.422</u>	<u>17.865.835.309</u>
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	9.982.500	60.500.000
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	46.769.062.728	47.430.886.468
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	14.926.321.130	15.296.221.991
	<u>61.695.383.858</u>	<u>62.727.108.459</u>
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	244.895.632.565	250.964.583.156
	<u>244.895.632.565</u>	<u>250.964.583.156</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	32.609.331.580	26.598.919.257
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	14.918.219.225	13.677.904.768
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	2.128.493.804	1.925.306.629
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	1.612.587.345	2.112.917.771
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	1.073.381.328	1.099.131.540
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	268.400.000	511.225.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	66.669.548	7.899.980
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	35.535.000	381.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	-	693.633.500
	<u>52.712.617.830</u>	<u>47.008.338.445</u>



38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 13.204.073.894 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.279.936.528 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 21.741.017.493 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.461.313.331 đồng), là số tiền ứng trước mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.358.788.948 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 861.554.400 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 472.070.000 đồng) là khoản cổ tức còn phải thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

39. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Các điều chỉnh hồi tố căn cứ theo Biên bản thanh tra theo Quyết định số 98/QĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Thanh tra Bộ Tài chính, chi tiết như sau:

Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số đầu năm	Số điều chỉnh
		(Số liệu đã báo cáo) VND	(Trình bày lại) VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.119.283.845	9.301.102.025	1.181.818.180
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(61.592.902.440)	(59.274.347.720)	2.318.554.720
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.951.037.718	1.347.058.163	(603.979.555)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25.207.978.361	25.324.073.386	116.095.025
Thặng dư vốn cổ phần	412	3.962.620.000	3.862.620.000	(100.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	178.297.564.112	181.177.862.432	2.880.298.320



Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Năm trước (Số liệu đã báo cáo) VND	Năm trước (Trình bày lại) VND	Thay đổi VND
Chi phí bán hàng	25	584.376.443.079	583.194.624.899	(1.181.818.180)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	271.647.978.804	269.229.424.084	(2.418.554.720)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	55.209.426.130	55.929.500.710	720.074.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.957	1.979	22

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Năm trước (Số liệu đã báo cáo) VND	Năm trước (Trình bày lại) VND	Thay đổi VND
Các khoản dự phòng	03	30.773.016.174	28.454.461.454	(2.318.554.720)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.247.579.166)	(3.825.417.791)	(577.838.625)
Thay đổi các khoản phải trả	11	47.682.847.007	47.078.867.452	(603.979.555)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	23.775.720.000	23.675.720.000	(100.000.000)

Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Thị Thu
Người lập biểu

Tôn Nữ Diệu Trí

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 3 năm 2019





Giới thiệu về SASCO

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất – tên giao dịch quốc tế là Southern Airports Services Joint Stock Company (viết tắt: SASCO) là Doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam, nằm trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).

SASCO kinh doanh đa ngành nghề với nhiều hoạt động dịch vụ thương mại tại sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất và mở rộng thị trường ra bên ngoài thông qua các chi nhánh hoạt động kinh doanh trực tiếp của Công ty.

Trên thị trường, Công ty tự hào đã tạo dựng được thương hiệu SASCO vững mạnh, uy tín với các sản phẩm dịch vụ chất lượng trên nhiều lĩnh vực trong và ngoài Ngành Hàng không, chinh phục niềm tin của đối tác, khách hàng trong và ngoài nước.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Tòa nhà SASCO

Sân bay Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Tel (028) 3844 8358

Fax (028) 3844 7812

Website: www.sasco.com.vn